

CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC

BÁO CÁO
ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

CƠ SỞ: NHÀ MÁY SẢN XUẤT DÂY ĐIỆN VÀ CÁP ĐIỆN

Hà Nội, 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC

BẢO CÁO
ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

CƠ SỞ: NHÀ MÁY SẢN XUẤT DÂY ĐIỆN VÀ CÁP ĐIỆN

CHỖ CƠ SỞ



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hoàng Duyên

Hà Nội, năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT.....	ii
DANH MỤC BẢNG.....	iii
DANH MỤC HÌNH.....	iv
1. Thông tin chung về Cơ sở.....	1
1.1. Tên cơ sở.....	1
1.2. Địa điểm cơ sở.....	1
1.3. Quy mô, công suất, công nghệ và mô hình sản xuất của cơ sở.....	2
1.3.1. Quy mô.....	2
1.3.2. Công suất.....	3
1.3.3. Quy trình công nghệ.....	4
2. Nguyên, nhiên liệu sử dụng và các sản phẩm của Cơ sở.....	7
2.1. Nhu cầu sử dụng điện.....	7
2.2. Nhu cầu sử dụng nước.....	7
2.3. Nhu cầu về nguyên liệu.....	8
2.4. Thiết bị, máy móc sử dụng tại Cơ sở.....	8
2.5. Sản phẩm của Cơ sở.....	9
3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của Cơ sở.....	9
3.1. Loại và khối lượng nước thải phát sinh (sinh hoạt).....	9
3.2. Nguồn và lưu lượng bụi và khí thải phát sinh.....	11
3.3. Loại và khối lượng chất thải rắn thông thường.....	11
3.4. Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.....	12
4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải phát sinh.....	12
4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh.....	12
4.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý bụi, khí thải phát sinh.....	16
4.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	17
4.5. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh.....	18

CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC

BẢO CÁO
ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

CƠ SỞ: NHÀ MÁY SẢN XUẤT DÂY ĐIỆN VÀ CÁP ĐIỆN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hoàng Duyên

Hà Nội, năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT.....	ii
DANH MỤC BẢNG.....	iii
DANH MỤC HÌNH.....	iv
1. Thông tin chung về Cơ sở.....	1
1.1. Tên cơ sở.....	1
1.2. Địa điểm cơ sở.....	1
1.3. Quy mô, công suất, công nghệ và mô hình sản xuất của cơ sở.....	2
1.3.1. Quy mô.....	2
1.3.2. Công suất.....	3
1.3.3. Quy trình công nghệ.....	4
2. Nguyên, nhiên liệu sử dụng và các sản phẩm của Cơ sở.....	7
2.1. Nhu cầu sử dụng điện.....	7
2.2. Nhu cầu sử dụng nước.....	7
2.3. Nhu cầu về nguyên liệu.....	8
2.4. Thiết bị, máy móc sử dụng tại Cơ sở.....	8
2.5. Sản phẩm của Cơ sở.....	9
3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của Cơ sở.....	9
3.1. Loại và khối lượng nước thải phát sinh (sinh hoạt).....	9
3.2. Nguồn và lưu lượng bụi và khí thải phát sinh.....	11
3.3. Loại và khối lượng chất thải rắn thông thường.....	11
3.4. Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.....	12
4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải phát sinh.....	12
4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh.....	12
4.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý bụi, khí thải phát sinh.....	16
4.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	17
4.5. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh.....	18

DANH MỤC VIẾT TẮT

AAO	Anaerobic – Anoxic – Oxic
BTCT	Bê tông cốt thép
CTNH	Chất thải nguy hại
HDPE	High Density Polyethylene
KCN	Khu công nghiệp
NTSH	Nước thải sinh hoạt
PVC	Polyvinylchloride
XLPE	Cross – Linked Polyethylene

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Tọa độ vị trí của Cơ sở.....	2
Bảng 1.2: Quy mô của Cơ sở.....	2
Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở.....	7
Bảng 2.1: Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở.....	8
Bảng 2.2: Khối lượng nguyên, nhiên liệu được sử dụng trong sản xuất của Cơ sở.....	8
Bảng 2.3: Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở.....	9
Bảng 3.1: Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại Cơ sở.....	12
Bảng 3.2: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở.....	12
Bảng 4.1: Thông số kỹ thuật bể xử lý nước thải của trạm 5m ³ /ngày đêm.....	16
Bảng 4.2: Danh mục thiết bị máy móc của trạm XLNT.....	16

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Vị trí thực hiện của Cơ sở.....	2
Hình 1.3: Quy trình sản xuất các sản phẩm của Cơ sở.....	4

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐIỆN HÀN QUỐC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

V/v đăng ký môi trường cho Cơ sở
“Nhà máy sản xuất dây điện và
cáp điện”

Yên Mỹ, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Mỹ.

Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hàn Quốc là chủ đầu tư của Nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ của cơ sở: Đường D2, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101816468 đăng ký lần đầu ngày 03/11/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 10/6/2022.

Thông tin người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên: Bà Nguyễn Thị Hoàng Duyên

Chức danh: Giám đốc

Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hàn Quốc đăng ký môi trường cho “Nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện” với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về Cơ sở

1.1. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện (sau đây gọi tắt là “Cơ sở”).
- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hàn Quốc.

1.2. Địa điểm cơ sở

- Địa điểm cơ sở: Đường D2, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

- Vị trí của Cơ sở:

- + Phía Đông: Giáp đường giao thông D2 của Khu công nghiệp Yên Mỹ II.
- + Phía Tây: Giáp đất lưu không của hành lang lưới điện.
- + Phía Nam: Giáp Công ty TNHH quốc tế Vạn Phú Gia.
- + Phía Bắc: Giáp Nhà máy xử lý nước sạch Khu công nghiệp Yên Mỹ 2.



Hình 1.1: Vị trí thực hiện của Cơ sở.

Bảng 1.1: Toạ độ vị trí của Cơ sở.

Vị trí ô đất	X (m)	Y (m)
1	2309704,427	556920,471
2	2309771,710	556770,908
3	2309827,318	556795,924
4	2309760,035	556945,487

1.3. Quy mô, công suất, công nghệ và mô hình sản xuất của cơ sở

1.3.1. Quy mô

Quy mô của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.2: Quy mô của Cơ sở.

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích/Thể tích
A	Hạng mục chính		
1	Nhà xưởng sản xuất	m ²	5.400
2	Nhà văn phòng		
2.1	Tầng 1	m ²	367,2
2.2	Tầng 2	m ²	332,4
2.3	Tum	m ²	27,2

B	Hạng mục công trình phụ trợ		
1	Công chính, nhà bảo vệ	m ²	41
2	Nhà để xe	m ²	123
3	Trạm bơm, bể nước ngầm	m ²	20
C	Hạng mục công trình BVMT	m ²	1.650,9
1	Hồ chứa nước cứu hoả	m ³	1.000
2	Bể xử lý nước thải xây ngầm	m ³ /ngày	5
3	Bể tự hoại xây ngầm	m ³	3
4	Bể tự hoại xây ngầm	m ³	10
5	Bể tự hoại xây ngầm	m ³	15
6	Bể tách dầu mỡ xây ngầm	m ³	5
7	Kho chứa chất thải (nằm trong khu vực nhà xưởng cùng với khối nhà kho)	m ²	468

- Nhà xưởng sản xuất: Được xây dựng kiên cố bằng bê tông cốt thép, ngăn cách với khu vực xung quanh bằng tường gạch, mái lợp tôn.

- Nhà văn phòng: Có cấu trúc 02 tầng và 01 tum, được ngăn cách bên ngoài bởi tường gạch, kết hợp với các vách kính Temper và thạch.

- Nhà để xe: Có kết cấu thép chịu lực, mái lợp tôn với chiều cao 3,6m.

- Bố trí kho chứa chất thải nằm trong khu vực nhà xưởng cùng với khối nhà kho với diện tích diện tích 468 m². Kho được chia thành 03 khu vực gồm: Khu vực chứa chất thải nguy hại, khu vực chứa chất thải công nghiệp, khu vực chứa chất thải sinh hoạt. Riêng phế liệu có thể tái sử dụng của nhà máy được lưu chứa tại kho phế liệu.

1.3.2. Công suất

Sản phẩm chính của Cơ sở là các loại dây điện, cáp điện với tổng công suất 2.400 tấn sản phẩm/năm. Cụ thể:

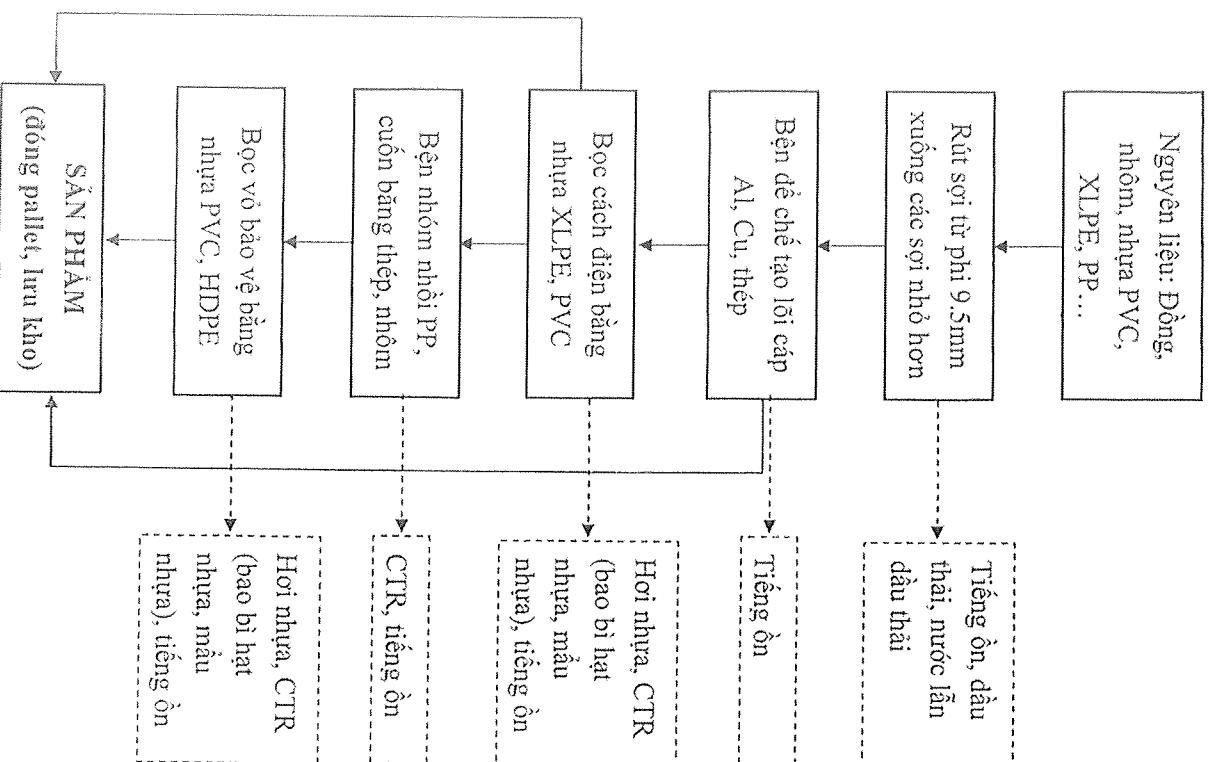
- + Cáp nhôm trần, cáp đồng trần, cáp nhôm trần lõi thép đườn kính 5,5 – 37 mm: 650 tấn sản phẩm/năm.
- + Cáp nhôm vắn xoắn đường kính 3,6 – 30 mm: 1.000 tấn sản phẩm/năm.
- + Cáp đồng, nhôm bọc trung thế, hạ thế đường kính 3 – 80 mm: 700 tấn sản phẩm/năm.
- + Dây điện, cáp mềm đường kính 2,1 – 15 mm: 50 tấn sản phẩm/năm.

1.3.3. Quy trình công nghệ

Công nghệ sản xuất của các dự án do Công ty cổ phần thiết bị điện Hàn Quốc đều được lựa chọn dựa trên các đặc điểm sau:

- Công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, đồng bộ theo một chu trình liên hoàn.
- Máy móc thiết bị công nghệ phục vụ sản xuất phải có tính chính xác cao và an toàn cho người lao động.
- Công nghệ sản xuất sử dụng lao động, năng lượng, nguyên vật liệu hợp lý.
- Công nghệ sản xuất đảm bảo an toàn cho môi trường.
- Chất lượng sản phẩm được kiểm nghiệm trong suốt quá trình sản xuất.

Quá trình sản xuất của các sản phẩm được mô tả sơ đồ tổng quát như sau:



Hình 1.2: Quy trình sản xuất các sản phẩm của Cơ sở.

- Công đoạn rút nhỏ sợi:

Đồng ($\varnothing$ 8 mm), nhôm ($\varnothing$ 9,5 mm) được đưa vào công đoạn rút sợi nhỏ ($\varnothing$ 4,5 mm; 3,8 mm; 3 mm; 2,8 mm; 2,51 mm; 2,13 mm; 1,82 mm; 1,7 mm; 1,4 mm; 1,35 mm; 1,04 mm; 0,85 mm; 0,67 mm; 0,52 mm; 0,32 mm; 0,25 mm; 0,2 mm; 0,18 mm). Công đoạn rút này được thực hiện bằng máy rút sợi với hệ thống 25 khuôn trượt để dẫn ít một các sợi nhôm, đồng từ đường kính lớn sang sợi có đường kính nhỏ hơn.

Quá trình kéo rút lõi đồng, nhôm sẽ sinh ra ma sát rất lớn tại điểm tiếp xúc giữa lõi đồng (nhôm) và khuôn. Chính vì vậy trong suốt quá trình kéo rút dây đồng, nhôm, hệ thống bơm dầu hoặc dầu nước tuần hoàn sẽ bơm dầu/dầu nước làm mát vào đầu khuôn rút, khiến cho nhiệt sinh ra do ma sát sẽ giảm, bôi trơn và bảo vệ khuôn hơn. Hệ thống bơm dầu/dầu – nước tuần hoàn này lắp cho từng thiết bị và không thải ra ngoài thường xuyên.

Quá trình kéo rút sợi đồng, sử dụng dầu để bôi trơn, làm mát khuôn. Dầu bôi trơn sử dụng cho công đoạn này khoảng gần 2.000 lít được chứa trong bể chứa trong nhà máy. Định kỳ 10 năm, nhà máy thuê đơn vị có chức năng đến hút cạn đáy bể dầu đi và bổ sung dầu bôi trơn nhằm đảm bảo quá trình sản xuất. Sợi nhôm sau khi kéo rút thành các đường kính phù hợp sẽ được cuộn lại chuyển sang công đoạn bên lõi cáp.

Trong quá trình kéo sợi đồng có sử dụng nước pha dầu kéo nhằm làm giảm nhiệt dầu: 93% nước tại bể chứa khoảng 3 m³ trong nhà máy và được bơm vào dây chuyền kéo sợi ướt bằng hệ thống bơm tự động. Hỗn hợp dầu – nước này sử dụng tuần hoàn bằng cách được bơm liên tục từ bể vào máy và thu hồi bằng hệ thống rãnh thu vè bể chứa. Định kỳ khoảng 02 năm, nhà máy thuê đơn vị đến hút cạn dầu ở đáy bể gồm hỗn hợp dầu – nước đi xử lý và bổ sung hỗn hợp dầu – nước sạch nhằm đảm bảo khả năng bôi trơn, làm mát. Sợi đồng sau khi kéo rút thành các đường kính phù hợp tiếp tục đi qua các khoang máy trong hệ thống kéo rút. Tại các khoang này sẽ được gia nhiệt để làm mềm sợi đồng giúp đồng đều cấu trúc phân tử đồng và chuyển từ sợi đồng cứng sang sợi đồng mềm hơn để tiện cho quá trình bện để dangle hơn.

Trong quá trình kéo sợi làm phát sinh dầu thải mỗi lần thay thế và vệ sinh, ngoài ra quá trình này làm phát sinh tiếng ồn

- Công đoạn bện lõi cáp:

Các sợi đồng, nhôm qua công đoạn rút, thép sợi nguyên liệu sẽ được đưa vào các máy bện để bện ra lõi dây cáp. Sản phẩm của công đoạn này là: cáp đồng, nhôm trần, cáp nhôm trần lõi thép. Nhà máy sử dụng các loại máy bện khác nhau để bện sợi cáp theo đơn đặt hàng như bện rời, bện đồng cứng... Các sản phẩm của công đoạn này có thể được xuất bán theo nhu cầu khách hàng hoặc có thể được đưa vào sản xuất công đoạn

tiếp theo là bọc cách điện.

- Công đoạn bọc cách điện:

Các loại lõi đồng, nhôm qua công đoạn bên sẽ được đưa vào các máy bọc cách điện bằng nhựa X:PE hoặc PVC để bọc ra dây cáp. Hạt nhựa nguyên liệu có tính năng cách điện được nhập khẩu. Nhựa được máy hút tự động lên phổ và đi vào lòng trục xoắn gia nhiệt để làm mềm nhựa sau đó đùn ra khuôn để bọc ôm lõi cáp. Công đoạn bọc này có gia nhiệt làm mềm nhựa ở trong lòng trục kín nên khí thải phát sinh từ công đoạn này hầu như rất ít. Sản phẩm của công đoạn này là: cáp đồng (CV, CX, CXV), cáp nhôm (AV, AX, AXV), cáp nhôm trần lõi thép bọc (ASV, ASX, ASXV). Các sản phẩm của công đoạn này có thể bán theo nhu cầu khách hàng hoặc có thể được đưa vào sản xuất công đoạn tiếp theo là bên nhóm cuộn băng.

- Công đoạn bện nhôm nhồi PP, cuộn băng đồng, nhôm, thép:

Công đoạn này sử dụng máy bện vặn xoắn. Các loại cáp đơn đồng, nhôm sau khi qua công đoạn bọc cách điện ở trên sẽ được đưa vào các máy bện nhôm. Các sợi cáp sẽ được vặn chặt với nhau với bước xoắn phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật, đồng thời các sợi PP (Polypropylene) sẽ được dùng để định hình tạo một tiết diện tròn cho lõi cáp. Đối với những sản phẩm cáp điện được quấn thêm lớp kim loại bảo vệ thì các lớp băng đồng, nhôm hoặc thép cũng được đồng thời cuốn thành vào sản phẩm trong giai đoạn này bằng thiết bị quấn băng được lắp trong những máy bện vặn xoắn. Sản phẩm của công đoạn này là: Sản thành phẩm cáp đồng, cáp nhôm.

- Công đoạn bọc lớp bảo vệ:

Bọc vỏ bảo vệ cho đầu và cáp điện nhằm mục đích bảo vệ toàn bộ lõi dây (cáp) bao gồm cả ruột dẫn và phần cách điện khỏi các tác động bên ngoài làm ảnh hưởng đến chất lượng hoặc giảm tuổi thọ của ruột dẫn, dùng để thể hiện thông tin về sản phẩm (in tên sản phẩm, quy cách, nhà sản xuất...), tạo hình thức thẩm mỹ cho sản phẩm. Các loại sản thành phẩm cáp đồng, cáp nhôm ở công đoạn bên nhôm, cuộn băng sẽ được đưa vào các máy bọc vỏ bảo vệ bằng nhựa PVC hoặc HDPE để bọc ra dây cáp. Nhựa được máy hút tự động lên phổ và đi vào lòng trục xoắn gia nhiệt để làm mềm nhựa ở trong lòng khuôn để bọc ôm lõi cáp. Công đoạn bọc này có gia nhiệt làm mềm nhựa ở trong lòng trục kín nhưng hầu như không có khí thải ra ngoài. Sản phẩm của công đoạn này là: Cáp đồng (CXV, CVV, CXSV), cáp nhôm (AXV, AVV, AXSV). Các sản phẩm của công đoạn này có thể bán theo nhu cầu khách hàng.

Công đoạn bọc cách điện và bọc lớp bảo vệ làm phát sinh hơi nhựa trong quá trình gia nhiệt làm mềm vật liệu bọc, ngoài ra quá trình này cũng làm phát sinh tiếng ồn trong nhà xưởng.

- Công đoạn đóng gói và lưu kho:

Các sản phẩm của các công đoạn trên nếu là sản phẩm cuối cùng sẽ được đóng gói, hoàn thiện trước khi xuất bán cho khách hàng hoặc sẽ nhập kho để lưu kho.

Ngoài ra quá trình sản xuất của nhà máy còn làm phát sinh nước thải do sinh hoạt của công nhân, chất thải thông thường, chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt.

2. Nguyên, nhiên liệu sử dụng và các sản phẩm của Cơ sở

2.1. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cung cấp điện của Cơ sở: Nguồn điện chính cấp cho nhà máy được lấy từ mạng lưới điện khu công nghiệp lưới điện 3P-22kV. Phòng điện chính của nhà máy được đặt tại khu phụ trợ.

- Nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở: Điện chủ yếu được sử dụng cho các hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất, các thiết bị văn phòng, thắp sáng. Nhu cầu tiêu thụ điện thực tế của Cơ sở trong các tháng từ tháng 03/2024 – tháng 11/2024 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở:

STT	Tháng	Lượng điện tiêu thụ (kWh)
1	03/2024	46.927
2	06/2024	27.951
3	09/2024	32.920
4	10/2024	45.009
5	11/2024	48.665
Tổng lượng trung bình (kWh/tháng)		40.294,4

[Nguồn: Hoá đơn điện của Cơ sở]

- Căn cứ nhu cầu sử dụng điện được tổng hợp theo Hoá đơn tiền điện tại bảng trên tại Cơ sở trung bình sử dụng khoảng 40.294,4 kWh/tháng.

2.2. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cung cấp: Được lấy từ mạng cấp nước của khu công nghiệp, cấp vào bể chứa nước ngầm tại trạm bơm. Trước khi cấp vào bể nước ngầm, bố trí hộp đồng hồ đo nước cho toàn công trình, mục đích tiện quản lý và chống rò rỉ, thất thoát.

- Tại Cơ sở, nước được sử dụng phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại nhà máy, vệ sinh thiết bị, công tác sản xuất và phòng cháy chữa cháy. Nhu cầu sử dụng nước thực tế của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 2.1: Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở.

STT	Tháng	Lượng nước tiêu thụ (m ³ /tháng)	Lượng nước tiêu thụ (m ³ /ngày)
1	06/2024	187	6,2
2	07/2024	150	5
3	08/2024	176	5,9
4	09/2024	183	6,1
5	10/2024	247	8,2
6	11/2024	193	6,4
Trung bình		189,33	6,3

[Nguồn: Hoá đơn xử lý nước thải]

Căn cứ nhu cầu sử dụng nước của cơ sở theo Hoá đơn tiền nước hàng tháng được tổng hợp tại bảng 2.1 cho thấy lượng nước tiêu thụ trung bình theo ngày khoảng 6,3 m³/ngày đêm.

2.3. Nhu cầu về nguyên liệu

Bảng 2.2: Khối lượng nguyên, nhiên liệu được sử dụng trong sản xuất của Cơ sở.

STT	Nguyên liệu, nhiên liệu	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Đồng	Tấn/năm	100	Mua trong nước
2	Nhôm	Tấn/năm	800	Mua trong nước
3	Thép	Tấn/năm	100	Nhập khẩu
4	Nhựa XLPE	Tấn/năm	350	Nhập khẩu
5	Nhựa PVC	Tấn/năm	100	Nhập khẩu
6	Nhựa HDPE	Tấn/năm	50	Nhập khẩu
7	Sợi PP	Tấn/năm	10	Nhập khẩu
8	Băng nhôm	Tấn/năm	0,2	Mua trong nước
9	Băng thép	Tấn/năm	3	Mua trong nước
10	Balet gỗ	Tấn/năm	50	Mua trong nước
11	Dầu bôi trơn	Lít/10 năm	2.000	Mua trong nước
12	Dầu bôi trơn bổ sung	Lít/năm	50	Mua trong nước

2.4. Thiết bị, máy móc sử dụng tại Cơ sở

Thiết bị máy móc được sử dụng trong quy trình sản xuất của dự án được chọn lọc từ các cơ sở sản xuất của Công ty. Các thiết bị máy móc được Công ty có tiến hành

kiểm tra, đánh giá thiết bị sử dụng để có phương án thay thế hàng năm. Cụ thể:

Bảng 2.3: Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở.

STT	Máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Độ mới
1	Máy rút đồng	Máy	02	80%
2	Máy rút nhôm	Máy	03	80%
3	Máy bện sợi 19 bobbins	Máy	01	80%
4	Máy bện sợi 30 bobbins	Máy	01	80%
5	Máy bện sợi 54 bobbins	Máy	01	80%
6	Máy xỉ gà	Máy	02	80%
7	Máy vắn xoắn	Máy	04	80%
8	Máy bọc 70 mm	Máy	01	80%
9	Máy bọc 90 mm	Máy	02	80%
10	Máy bọc 120 mm	Máy	02	80%
11	Máy băm nhựa	Máy	01	80%

2.5. Sản phẩm của Cơ sở

Sản phẩm chính của cơ sở là dây điện và cáp điện với công suất 2.400 tấn sản phẩm/năm (cáp nhôm trần, cáp đồng trần, cáp nhôm vắn xoắn, cáp đồng bọc trung thể...).



Hình 2.1: Sản phẩm sản xuất của Cơ sở.

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của Cơ sở

3.1. Loại và khối lượng nước thải phát sinh (sinh hoạt)

❖ Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên tại nhà máy.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy (công đoạn pha nước vào dầu, công đoạn cấp nước làm mát).

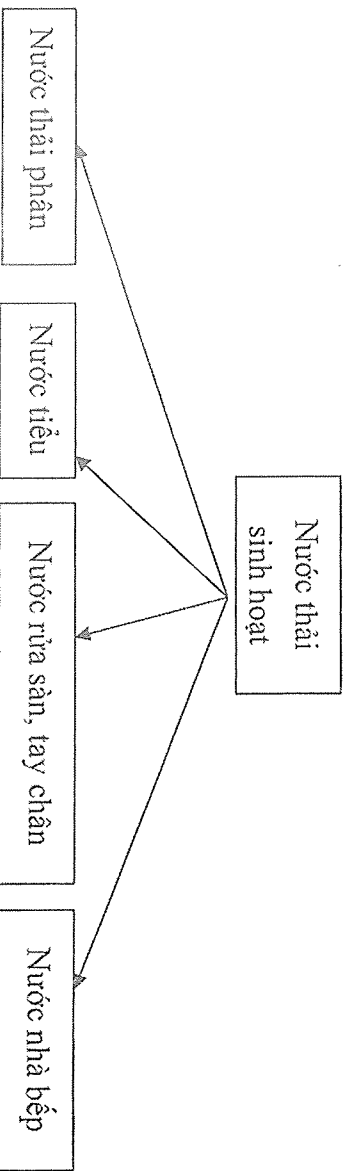
❖ **Tính chất và tác động của nước thải sinh hoạt**

- Nước thải sinh hoạt có nguồn gốc khác nhau sẽ có thành phần và tính chất khác nhau. Tuy nhiên có thể chia làm 02 loại chính sau:

+ Nước thải không có chứa phân, nước tiểu: Loại nước thải này chứa chủ yếu chất rắn lơ lửng, các chất tẩy giặt và thường gọi là nước “xám”. Nồng độ các chất hữu cơ trong loại nước thải này thấp và thường khó phân hủy sinh học. Trong nước thải chứa nhiều tạp chất vô cơ.

+ Nước thải chứa phân, nước tiểu từ các khu vệ sinh còn được gọi là “nước đen”.

Trong nước thải thường tồn tại các vi khuẩn gây bệnh và dễ gây mùi hôi. Hàm lượng chất hữu cơ (BOD) và các chất dinh dưỡng như: Nitơ (N), Photpho (P) cao. Loại nước thải này thường gây nguy hại đến sức khỏe và dễ làm nhiễm bẩn đến nguồn nước tiếp nhận.



Hình 3.1: Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt.

❖ **Tính chất và tác động của nước thải công nghiệp**

Theo quy trình sản xuất cho thấy nước được sử dụng vào 03 công đoạn sau:

- Nước cấp cho quá trình pha dầu phục vụ quá trình rút cáp nhôm.
- Nước cấp cho công đoạn làm mát sau khi bọc cách điện và bọc bảo vệ.

Từ nước cấp đầu vào các nguồn như trên, nước thải đầu ra trong quá trình sản xuất được phân tích dự báo như sau:

+ Đối với công đoạn pha nước vào dầu: Nước được pha với dầu sau đó bơm vào máy rút sợi để làm mát và bôi trơn. Lượng nước sử dụng ước tính lớn nhất khoảng 3 m³/năm. Theo định kỳ sản xuất, công ty sẽ tiến hành hút cạn nước dầu để bổ sung nước mới mà không tiến hành thải ra ngoài môi trường. Lượng nước lần đầu này được coi như CTNH nên công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút và đưa đi xử lý.

+ Đối với công đoạn cấp nước làm mát: Nước sử dụng cho quá trình này được sử dụng liên tục và không thải bỏ ra ngoài môi trường. Hàng ngày công nhân bổ sung lượng nước thất thoát do bay hơi. Lượng nước bổ sung cho công đoạn này hàng ngày là

3.2. Nguồn và lưu lượng bụi và khí thải phát sinh

❖ Nguồn phát sinh bụi, khí thải tại Cơ sở

Trong quá trình đi vào hoạt động sản xuất của Cơ sở phát sinh một số nguồn gây ô nhiễm không khí khu vực dự án gồm:

- Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất.
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông.
- Khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn.

❖ Tác động của bụi, khí thải

- Trong quá trình sản xuất, dự án có sử dụng 500 tấn nhựa các loại (nhựa XLPE, nhựa PVC, nhựa HDPE) để bọc lớp các điện và lớp bảo vệ cho dây điện và cáp điện. Các hạt nhựa được máy hút tự động lên phổ và đi vào lòng trục xoắn gia nhiệt để làm mềm sau đó đùn ra khuôn để bọc ôm lõi cáp. Công đoạn này có gia nhiệt đến khoảng 160°C làm mềm nhựa nên có thể làm phát sinh khí thải, hơi nhựa. Để giảm thiểu tác động này, chủ Cơ sở đã thiết kế khu vực bọc dây điện và dây cáp có diện tích rộng rãi và trần nhà cao, đảm bảo độ thông thoáng cần thiết. Điều này không chỉ giúp cải thiện điều kiện làm việc trong nhà xưởng mà còn góp phần kiểm soát tốt hơn lượng khí thải phát sinh, nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường.

- Bụi và khí thải do các phương tiện giao thông sẽ tác động trực tiếp tới môi trường không khí khu vực Cơ sở. Tuy nhiên, do khu vực Cơ sở có bề mặt thoáng, khí thải và bụi phân tán không tập trung vào một vị trí, không hoạt động đồng thời cùng một lúc vì vậy lượng khí thải phát ra từ các phương tiện sẽ nhanh chóng bị pha loãng vào không khí bị gió cuốn đi. Mức độ tác động thấp, không đáng kể.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn của nhà máy chủ yếu bao gồm hơi nước, mùi thực phẩm và các khí CO₂, N₂, H₂, H₂S, CH₄. Tuy nhiên thời gian nấu ăn không diễn ra liên tục trong ngày mà chỉ trong một khoảng thời gian nhất định nên tác động tác nguồn khí thải này là nhỏ, không liên tục và có thể kiểm soát được.

3.3. Loại và khối lượng chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn thông thường phát sinh tại Cơ sở bao gồm chất thải rắn sinh hoạt (thức ăn thừa, túi nilong, chai nhựa...) và chất thải rắn công nghiệp thông thường (sợi thép, đồng, nhôm đứt gãy, vụn nhựa, chất thải văn phòng, palet bằng gỗ thải, thùng bìa carton, bùn thải không chứa chất nguy hại). Các loại chất thải đều được thu gom riêng biệt.

Khối lượng chất thải rắn thông thường được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.1: Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại Cơ sở.

STT	Tháng	Khối lượng (m³)
1	Tháng 5/2024	1,0
2	Tháng 6/2024	0,5
3	Tháng 7/2024	0,5
4	Tháng 8/2024	0,5
5	Tháng 9/2024	1,0
6	Tháng 10/2024	0,5
7	Tháng 11/2024	0,5
Trung bình (m³/tháng)		0,64
Tổng (m³/năm)		7,68
Tổng (kg/năm)		3.072

[Nguồn: Hoá đơn phi thu gom rác thải]

3.4. Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở từ hoạt động sản xuất chủ yếu là giẻ lau, găng tay dính dầu phát sinh từ quá trình bảo dưỡng thiết bị máy móc. Số lượng chất thải này tuy không lớn nhưng nếu không được quản lý đúng quy định sẽ gây ảnh hưởng tới môi trường trong khu vực.

Bảng 3.2: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở.

TT	Tên chất thải nguy hại	Dạng tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, găng tay dính hoá chất	Rắn	310	18 02 01
Tổng số			310	

[Nguồn: Hoá đơn/Biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải]

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải phát sinh

4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh

Để giảm thiểu tác động tới môi trường nước từ các nguồn phát sinh, Cơ sở thực hiện các biện pháp sau đối với mỗi nguồn thải tác động tới môi trường nước:

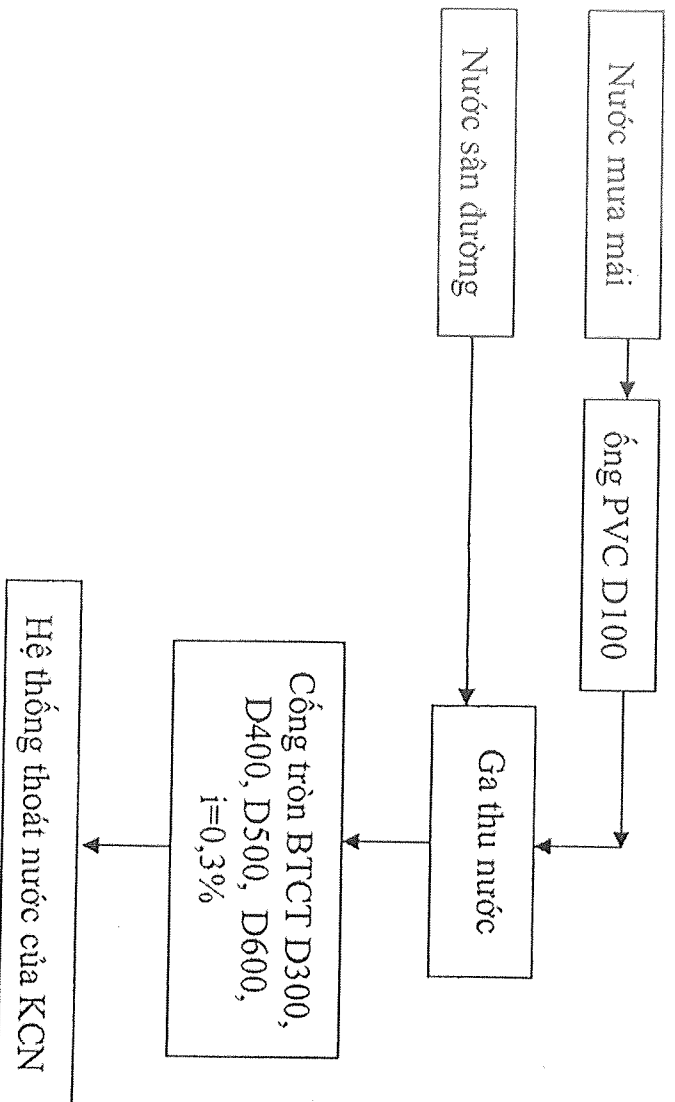
a) Nước mưa chảy tràn

Mạng lưới thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Nước mưa được thu gom bởi hệ thống cống rãnh, có đầy nắp đan, chạy bao quanh xưởng sản xuất, các công trình phụ trợ và chảy dọc theo tường rào khuôn viên Nhà máy để thu gom nước mưa. Trên hệ thống thoát nước có bố trí các hố ga lắng, song chắn rác. Sau đó lượng nước này sẽ được chảy vào hệ thống thoát nước mưa của KCN.

Hệ thống thoát nước mưa gồm:

- Nước mưa mái của toà nhà được thu qua các phễu thu chảy vào các ống đứng thoát nước mưa D100 rồi thu về các hố ga của hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà.
- Các hố ga thu nước mưa dưới lòng đường được cấu tạo bằng BTCT và xây bằng gạch đôi với hố ga trên bìa hè và được đầy song chắn rác. Ống thoát nước mưa sử dụng công tròn BTCT D300, D400, D500, D600.

- Toàn bộ nước mưa của nhà máy được thu gom, thoát ra hệ thống thoát nước của KCN qua 01 điểm đầu nổi trên đường giao thông trước nhà máy.



Hình 4.1: Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở.

Ngoài ra, công ty sẽ thực hiện một số biện pháp như sau:

- Định kỳ kiểm tra và vệ sinh các hố ga thu nước mưa.
- Thực hiện tốt công tác vệ sinh trong khuôn viên nhà máy để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.

b) Nước thải sinh hoạt

❖ Mạng lưới thu gom

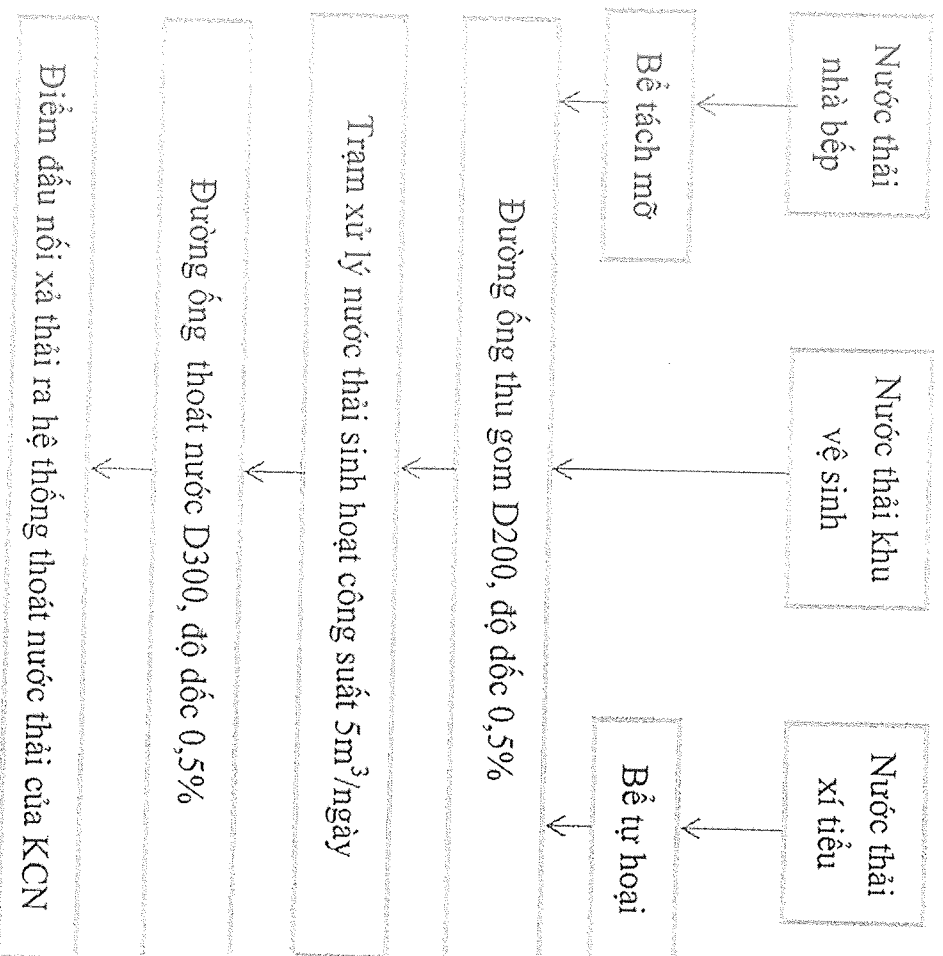
- Thu gom nước thải trong nhà:

- + Nước thải từ các chậu xí, tiểu nam được thu gom bằng đường ống uPVC D110, D125, độ dốc 2% về phía ống đứng thoát nước xí thu về ngun chứa bể tự hoại.
- + Nước thải từ cả chậu rửa, rửa sàn thu bằng D42, D50, D76 độ dốc 2% về phía ống đứng thoát nước rửa rồi thu về hố ga thoát nước bên ngoài.
- + Nước thải nhà bếp được thu gom về chậu rửa về bể tách mỡ.

- Thoát nước thải ngoài nhà

Hệ thống thoát nước thải là hệ thống thoát nước riêng, không đi chung với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước thải nhà bếp được xử lý qua bể tách mỡ và nước thải rửa được thu gom theo đường ống D200 về trạm xử lý nước thải. Đường ống thoát nước ngoài nhà sử dụng đường ống D200, độ dốc 0,5%. Nước thải sau xử lý theo đường ống D300, độ dốc 0.5% từ trạm XLNT thoát ra hệ thống nước thải của KCN Yên Mỹ II qua 01 điểm đầu nổi.

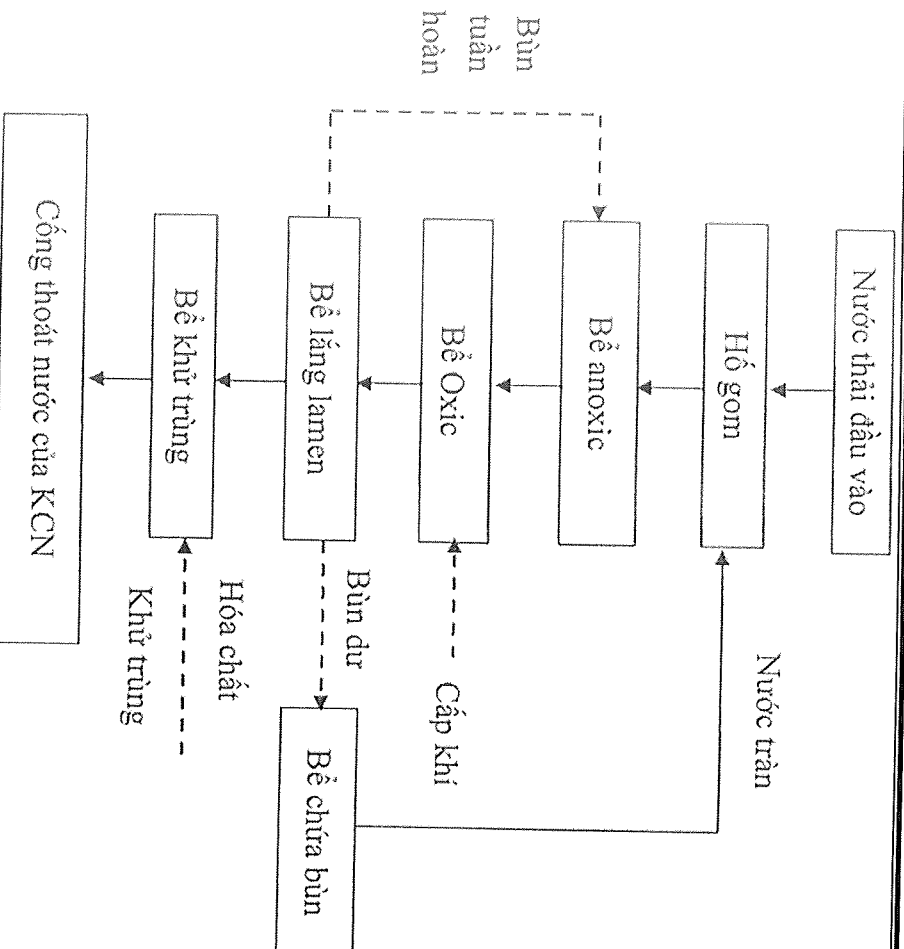
Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy được thể hiện như hình sau:



Hình 4.2: Sơ đồ thu gom nước thải của Cơ sở.

- Các công trình xử lý nước thải sơ bộ và xử lý nước thải tập trung:
 - + Bể tự hoại: 03 bể có thể tích lần lượt là 3, 10, 15 m³. (Bể tự hoại 3m³ được bố trí tại khu nhà bảo vệ, 02 bể tự hoại còn lại bố trí khu vực văn phòng).
 - + Bể tách mỡ: 01 bể 5 m³ bố trí gần khu vực nhà bếp.
 - + Trạm xử lý nước thải tập trung: 01 trạm công suất 5m³/ngày đêm.
- Thuyết minh quy trình:

❖ *Công trình xử lý nước thải*



Hình 3.2: Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt.

Nước thải đầu vào sau khi được xử lý sơ bộ được dẫn tới hố gom trước khi chảy sang bể xử lý sinh học thiếu khí. Bể xử lý sinh học thiếu khí Anoxic có chức năng khử Nitơ trong nước thải. Vi khuẩn sử dụng oxy trong NO_3^- để oxy hoá hợp chất hữu cơ giải phóng N_2 .

Nước thải sau bể Anoxic được dẫn tự chảy sang bể xử lý sinh học hiếu khí Oxic. Bể xử lý sinh học hiếu khí được cấp O_2 từ máy thổi khí, tại đây xảy ra quá trình oxy hoá các hợp chất hữu cơ, giải phóng ra CO_2 , H_2O và năng lượng cùng với quá trình tổng hợp sinh khối mới và quá trình phân huỷ nội sinh. Nước thải sau khi qua bể Oxic giảm đáng kể BOD trước khi dẫn sang bể lắng.

Bể lắng có chức năng lắng các chất lắng lơ lửng từ quá trình phân huỷ các hợp chất hữu cơ và xác của vi khuẩn (bùn)... Tại bể lắng có bố trí bơm bùn, một phần bùn được bơm về bể Anoxic làm “thức ăn” cho vi khuẩn, một phần được bơm về bể chứa bùn. Nước thải sau bể lắng được dẫn sang bể khử trùng để loại bỏ các vi khuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận bằng hoá chất khử trùng NaOCl hoặc viên nén Clo.

Nước thải sau hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn của KCN.

Bùn thải hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định.

❖ Đánh giá hiệu quả xử lý qua từng công đoạn:

Hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ vi sinh AAO là hệ thống xử lý theo chu trình khép kín. Nước thải sau khi được xử lý tại bể hợp khối AAO và bể lắng có thể đạt hiệu quả xử lý khoảng 80 – 90% thành phần gây ô nhiễm nguồn nước. Sau đó nước thải đi qua bể khử trùng, công đoạn này có thể loại bỏ hoàn toàn 100% các vi khuẩn gây bệnh. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định trong tiêu chuẩn của KCN.

❖ Đánh giá hiệu quả xử lý qua từng công đoạn:

Hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ vi sinh AAO là hệ thống xử lý theo chu trình khép kín. Nước thải sau khi được xử lý tại bể hợp khối AAO và bể lắng có thể đạt hiệu quả xử lý khoảng 80 – 90% thành phần gây ô nhiễm nguồn nước. Sau đó nước thải đi qua bể khử trùng, công đoạn này có thể loại bỏ hoàn toàn 100% các vi khuẩn gây bệnh. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định trong tiêu chuẩn của KCN.

Kích thước các khối bể của hệ thống như sau:

Bảng 4.1: Thông số kỹ thuật bể xử lý nước thải của trạm 5m³/ngày đêm.

STT	Hạng mục	Kích thước (m) WxLxH	Số lượng bể
1	Bể Anoxic	1,0 x 1,0 x 1,35	1
2	Bể sinh học	1,0 x 1,5 x 1,35	1
3	Bể lắng	1,0 x 1,0 x 1,35	1
4	Bể khử trùng	0,45 x 0,45 x 1,35	1
5	Bể chứa bùn	0,45 x 0,45 x 1,35	1

Thiết bị máy móc đi kèm hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 4.2: Danh mục thiết bị máy móc của trạm XLNT.

STT	Thiết bị	Số lượng
1	Máy bơm chìm nước thải	01 chiếc
2	Bơm bùn đặt chìm	01 chiếc
3	Máy thổi khí	01 chiếc
4	Túi điều khiển	01 chiếc
5	Vật tư khác	01 bộ

4.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý bụi, khí thải phát sinh

❖ Đối với khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất

- Lắp đặt hệ thống điều hoà cục bộ cho khu vực văn phòng, các phòng làm việc có diện tích bé.
- Lắp đặt hệ thống thông gió cục bộ bằng quạt công nghiệp cho các khu vực sản xuất.

Báo cáo Đăng ký môi trường của Cơ sở: “Nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện”

- Trang bị đồ dùng bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo, găng tay, mũ, khẩu trang, nút tai...

- Do hơi VOC phát sinh từ quá trình ép nhựa không đáng kể nên dự án tiến hành làm thông thoáng nhà xưởng bằng các loại quạt công nghiệp...

❖ Đối với bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

- Bố trí trồng cây xanh trong khuôn viên của nhà máy vừa tạo cảnh quan vừa có tác dụng làm giảm ô nhiễm môi trường không khí.

- Yêu cầu xe máy ra khỏi công ty mới được nổ máy.

- Quy định các phương tiện xe máy ra, vào khu vực nhà xe phải tắt máy.

- Quy định tốc độ của các phương tiện ra vào nhà máy nhập xuất hàng, vận chuyển chất thải là 5km/h.

- Thường xuyên phun nước tuyến đường giao thông nội bộ, sân của nhà máy. Công ty bố trí các vòi tưới cây rửa đường quanh khu vực nhà máy đảm bảo sân đường, vỉa hè được tưới nước thường xuyên vào các ngày nóng, nắng.

- Quy định các xe vận chuyển chở đúng trọng tải theo quy định. Định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra. Xe vận chuyển phải đảm bảo các tiêu chuẩn về khí thải theo quy định.

❖ Đối với khí thải phát sinh từ khu vực nấu ăn

Công ty đã lắp đặt 01 hệ thống chụp hút tại khu vực bếp nấu nhằm hút toàn bộ lượng mùi và khí phát sinh ra bên ngoài và phát tán nhanh vào môi trường không khí, tránh để xảy ra ô nhiễm cục bộ trong nhà bếp.

4.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Tại cơ sở bố trí khoảng 15 thùng chứa chất thải sinh hoạt tại khu vực văn phòng, nhà bếp, phòng ăn, khu vực sản xuất, đường giao thông để thu gom rác thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân.

- Bố trí công nhân hàng ngày thu gom chất thải từ các thùng chứa về tập kết tại ngăn chứa chất thải sinh hoạt trong khu vực kho chứa chất thải.

- Tại điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt bố trí các thùng rác, đảm bảo thể tích lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng chất thải phát sinh, đảm bảo không rò rỉ nước ra môi trường.

- Hiện nay, Công ty thực hiện thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở là Công ty TNHH phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hoà Phát Hưng Yên theo Hợp đồng kinh tế về việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp tại KCN Yên Mỹ III ngày 01/10/2020.

4.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, hàng năm có tổ chức lớp tập huấn cho cán bộ công nhân về công tác bảo vệ môi trường tại nhà máy.
- Công ty bố trí khoảng 05 thùng chứa chất thải có dung tích 25-100 lít tại nhà xưởng để phân loại và thu gom rác thải phát sinh trong quá trình hoạt động.
- Bố trí công nhân hàng ngày thu gom chất thải từ các thùng chứa về tập kết tại ngăn chứa chất thải công nghiệp trong khu vực kho chứa chất thải.
- Kho được thiết kế nền có cao độ đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

Hiện nay, Công ty thực hiện thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường với Công ty TNHH phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hoà Phát Hưng Yên theo Hợp đồng kinh tế về việc thu gom, vận chuyển chất thải công nghiệp tại KCN Yên Mỹ III ngày 01/10/2020.

4.5. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại có dung tích 120 – 240L đặt tại ngăn chứa CTNH tại khu nhà kho chứa chất thải (468m²) để lưu giữ từng loại chất thải nguy hại. Các thùng chứa đều có nắp đậy, được dán nhãn số quản lý CTNH và dấu hiệu cảnh báo.
- Kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại theo đúng quy định, cụ thể:
 - + Mất sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khí, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.
 - + Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.
 - + Các chất thải nguy hại khác nhau được chứa trong các thùng chứa riêng biệt.
 - + Khu vực lưu giữ đảm bảo không chảy tràn chất lượng ra ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.
- + Khu vực lưu chứa được dán biển cảnh báo chất thải nguy hại.
- + Các thùng chứa chất thải nguy hại được dán biển cảnh báo chất thải nguy hại, kèm nhãn dán tên, mã chất thải nguy hại riêng biệt cho từng thùng.
- Đối với các mã chất thải có khối lượng lớn như nước thải nhiễm dầu, dầu thải, công ty sẽ liên hệ đơn vị vận chuyển đến thu gom và vận chuyển đi xử lý tại mỗi lần thay thế mà không tiến hành lưu kho.
- Hiện nay, Công ty thực hiện thu gom và xử lý chất thải nguy hại của cơ sở là Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO11 theo như Hợp đồng số 200/2024/HDCN/URENCO11 ký ngày 22/7/2024.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

- Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu của Cơ sở đến môi trường.
- Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Cam kết toàn bộ nước thải của Cơ sở được đầu nối với trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Yên Mỹ II.
- Các hoạt động của Cơ sở chịu sự kiểm tra của các cơ quan chức năng về quản lý môi trường của thành phố Hà Nội. Và các cơ quan có chức năng có liên quan nhằm đảm bảo phát triển bền vững về bảo vệ môi trường.
- Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị UBND thị trấn Yên Mỹ tiếp nhận đăng ký môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện” của Công ty cổ phần thiết bị điện Hàn Quốc.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPCT

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hoàng Nguyên

PHỤ LỤC 1: CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA CƠ SỞ

1. Giấy phép xây dựng số 26/GPXD ngày 18/6/2020 của Ban quản lý các khu công nghiệp Hưng Yên.
2. Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện của Công ty Cổ phần thiết bị điện Hàn Quốc.
3. Hợp đồng kinh tế về việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp tại KCN Yên Mỹ II ngày 01/10/2020 giữa Công ty cổ phần Thiết bị điện Hàn Quốc và Công ty TNHH Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hoà Phát Hưng Yên.
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101816468 đăng ký lần đầu ngày 03/11/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 10/6/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Hưng Yên cấp.
5. Văn bản số 469/TB-BQL ngày 28/4/2022 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng.
6. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 05/5/2022.
7. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8844876841 chứng nhận lần đầu ngày 08/01/2020, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 05/4/2024 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên cấp.
8. Hợp đồng số 200/2024/HDCN/URENCO11 ngày 22/7/2024 giữa Công ty CP Thiết bị điện Hàn Quốc và Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO11 về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.
9. Biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải nguy hại.
10. Hoá đơn giá trị gia tăng điện, nước của Cơ sở.
11. Hoá đơn giá trị gia tăng phí thu gom rác thải của Cơ sở.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 6 năm 2020

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 26/GPXD

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần thiết bị điện Hàn Quốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường D2, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

2. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án Nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện trong khuôn viên khu đất 10.000m² tại Đường D2, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, với các nội dung sau:

2.1. Nhà văn phòng hợp khối với Nhà xưởng sản xuất (ký hiệu số 1 & 2):

- Diện tích xây dựng: 5.764m² (Trong đó Nhà văn phòng 367,2m²);
- Tổng diện tích sàn: 6.394m² (Trong đó Nhà văn phòng 997,2m²);
- Chiều cao công trình: 12,25m;

Số tầng: Nhà xưởng 1 tầng, Nhà văn phòng 03 tầng.

2.2. Nhà bảo vệ (ký hiệu số 3):

- Diện tích xây dựng: 42m²;
- Chiều cao công trình: 3,9m;
- Số tầng: 01 tầng.

2.3. Nhà để xe (ký hiệu số 4):

- Diện tích xây dựng: 123m²;
- Chiều cao công trình: 3,6m;
- Số tầng: 01 tầng.

2.4. Nhà bơm, bể nước ngầm (ký hiệu số 5):

* Trạm bơm:

- Diện tích xây dựng: 20m²;
- Chiều cao công trình: 3,5m;
- Số tầng: 01 tầng.

* Bể nước ngầm: Chiều dài 5m, chiều rộng 4m, chiều sâu 1,85m.

2.5. Trạm điện (ký hiệu số 6):

- Diện tích xây dựng: 13,3m²;
- Chiều cao công trình: hàng rào thép cao 2,5m.

2.6. Bể xử lý nước thải: Chiều dài 4,5m, chiều rộng 1,22m, chiều sâu 1,6m.

* Mật độ xây dựng đạt: 60%.

* Cốt nền xây dựng công trình tối thiểu: +3.9m (Cốt san nền tại vị trí xây dựng theo quy hoạch chi tiết KCN Yên Mỹ II được duyệt).

(Ký hiệu, vị trí định vị các công trình được thể hiện tại bản vẽ Tổng mặt bằng ký hiệu KT00-02 trong tập bản vẽ thiết kế được Ban Quản lý các KCN đóng dấu kèm theo Giấy phép xây dựng này).

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng nguyên tắc về việc cho thuê lại đất số 30/HDNT-TLĐ/KCN-YMII ngày 14/01/2020 giữa Công ty quản lý khai thác KCN Phố Nối A với Công ty CP thiết bị điện Hàn Quốc.

4. Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH Xây dựng Smart Tech.

Địa chỉ: P303, số 6, ngõ 102 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Điện thoại: 0987648302.

5. Trong quá trình triển khai xây dựng công trình, Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau:

- Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này;

- Xuất trình Giấy phép xây dựng cho Công ty TNHH phát triển hạ tầng KCN Hoà Phát Hưng Yên (Chủ đầu tư hạ tầng KCN); treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định;

- Quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình theo quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ Xây dựng;

- Tuân thủ quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình theo quy định tại Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. Trước ngày dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng, Chủ đầu tư phải gửi báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình theo Mẫu số 02, Phụ lục I, Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng tới Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên để được tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định;

- Khi có điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung: Vị trí, diện tích xây dựng; quy mô, chiều cao công trình và các yếu tố khác ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực chính, làm thay đổi công năng sử dụng làm ảnh hưởng đến an toàn, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng trước khi thực hiện điều chỉnh;

- Lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật lưu giữ chất rắn (thông thường và nguy hại) của dự án theo quy định gửi về Ban Quản lý các KCN để được xem xét, cấp GPXD trước khi thi công xây dựng theo quy định.

6. Giấy phép này có hiệu lực khởi công trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

CHỖNG THỰC BẢN SẠO DƯNG VỚI BẢN CHÍNH
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VINH XUÂN

- C.ty CP thiết bị điện Hàn Quốc;

- Công ty TNHH PHTT KCN Hoà Phát Hưng Yên

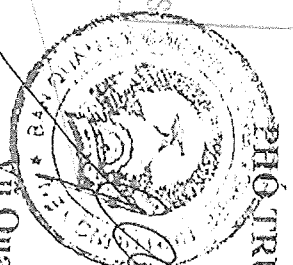
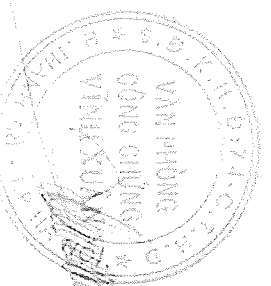
- (để giám sát)

- Lưu: VT, QHĐDùng lưc: 12/4/2021. Quyển số: 021 SCT/BS

KT. TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN

Vũ Quang Thắng



CÔNG CHỨNG VINH

Đường Lương Quỳnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *1619* /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *22* tháng *9* năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy
sản xuất dây điện và cáp điện của Công ty Cổ phần thiết bị điện Hàn Quốc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định báo vệ môi trường Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 307/BC-STNMT ngày 09/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện” của Công ty Cổ phần thiết bị điện Hàn Quốc thực hiện tại đường D2, KCN Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ và xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật; thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công an tỉnh;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- Công ty Cổ phần thiết bị điện Hàn Quốc;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CV, P.NMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

ĐẠI CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Buì Thế Cường
Ủy ban nhân dân Tỉnh Hưng Yên
Giới ký: 23/07/2020 07:34:55

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**Của dự án Nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện***(Kèm theo Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 22/7/2020**của Ủy ban nhân dân tỉnh)***1. Thông tin về dự án**

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện.
- Địa điểm thực hiện: Tại đường D2, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ và xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần thiết bị điện Hàn Quốc.

1.1. Phạm vi, quy mô dự án:

- Tại khu đất có diện tích 10.000 m² thuộc đường D2, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ và xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ.
- Quy mô dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện: 2.400 tấn sản phẩm/năm. Cụ thể:
 - + Cáp nhôm trần, cáp đồng trần, cáp nhôm trần lõi thép đường kính 5.5 mm - 37 mm; 650 tấn sản phẩm/năm;
 - + Cáp nhôm vắn xoắn đường kính 3.6 mm - 30 mm; 1.000 tấn sản phẩm/năm;
 - + Cáp đồng, nhôm bọc trung thể, hạ thế đường kính 3.0 mm - 80 mm; 700 tấn sản phẩm/năm;
 - Dây điện, cáp mềm đường kính 2.1 mm - 15 mm; 50 tấn sản phẩm/năm.
- Quy mô các hạng mục công trình:
 - + Các công trình chính: Nhà xưởng sản xuất: 5.396,8 m², nhà văn phòng: 367,2 m².
 - + Các công trình phụ trợ: Công chính - nhà bảo vệ, nhà để xe, trạm bơm, bể nước ngầm, trạm biến áp dạng treo, đường giao thông nội bộ, sân bãi, cây xanh.
 - Công trình bảo vệ môi trường: Khu lưu giữ chất thải; hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa và nước thải; hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; hồ chứa nước cứu hỏa.

1.2. Công nghệ sản xuất tại dự án:

- Quy trình công nghệ sản xuất cáp nhôm, đồng trần: Sợi đồng, nhôm → rút sợi → bên dây cáp → kiểm tra → sản phẩm (đóng pallet, lưu kho).
- Quy trình công nghệ sản xuất cáp nhôm trần lõi thép: Sợi nhôm → rút sợi → bên dây cáp (bổ sung sợi thép nguyên liệu) → kiểm tra → sản phẩm (đóng pallet, lưu kho).
- Quy trình công nghệ sản xuất cáp nhôm vắn xoắn: Sợi nhôm → rút sợi → bên lõi cáp → bọc cách điện → in thông tin sản phẩm → kiểm tra → sản phẩm (đóng pallet, lưu kho).
- Quy trình công nghệ sản xuất dây điện, cáp mềm: Sợi đồng → rút sợi → bên để chế tạo lõi cáp → bọc vỏ cách điện → bọc vỏ bảo vệ → in thông tin sản phẩm → kiểm tra → sản phẩm (đóng pallet, lưu kho).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động chính của dự án:

2.1.1. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Bụi phát sinh từ quá trình đào móng, xây dựng các hạng mục công trình.
- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của công nhân thi công xây dựng.
- Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình đào đắp, xây dựng các hạng mục công trình.
- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.

2.1.2. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn vận hành:

- Nguồn gây ô nhiễm môi trường nước: Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân viên tại dự án; nước mưa chảy tràn.
- Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí: Hơi nhựa phát sinh từ công đoạn bọc cách điện, bọc bảo vệ; bụi, khí thải phát sinh do hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm.
- Ô nhiễm môi trường do chất thải rắn: Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 2,7 m³/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ.
- Nước thải thi công: phát sinh từ hoạt động rửa xe, rửa dụng cụ, vệ sinh, vật liệu với lượng khoảng 16,8 m³/ngày đêm, có thành phần chủ yếu là TSS, dầu mỡ.
- 2.2.2. Giai đoạn vận hành
 - Nước thải sinh hoạt khoảng 4,9 m³/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ.
 - Nước làm mát được sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi phát sinh từ quá trình đào móng, xây dựng các hạng mục công trình, giao thông.

- Khí thải từ các máy móc, thiết bị thi công, hàn các cấu kiện thép.

2.3.2. Giai đoạn vận hành

- Hơi nhựa phát sinh từ công đoạn bọc cách điện, bọc bảo vệ với nồng độ (tương ứng với chất vinylclorua) khoảng 0,896 mg/m³.
- Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động giao thông, vận chuyển chủ yếu là các khí CO, NO_x. Tải lượng phát thải các khí này biến đổi theo không gian và thời gian.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

2.4.1. Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng

- Chất thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 60 công nhân khoảng 30 kg/ngày. Rác thải này bao gồm chủ yếu bao gồm chất hữu cơ: thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy, hộp cơm....
- Chất thải rắn thông thường gồm: gạch vỡ, vỏ bao xi măng, vôi vữa thừa, thép xây dựng, đất, đá thải... phát sinh khoảng 9.260 tấn.

2.4.2. Giai đoạn vận hành

- Chải thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 35 kg/ngày.
- Chải thải rắn công nghiệp thông thường gồm: pallet gỗ, bia carton, vỏ bao bì hạt nhựa, bavia đồng, nhôm, thép, bavia nhựa, sản phẩm lõi hồng, băng in, ... phát sinh khoảng 21,5 kg/ngày.

Ngoài ra còn bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, hố ga.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Gồm các loại chất thải: thùng sơn, dụng cụ pha, quét sơn; giẻ lau, găng tay dính dầu; bóng đèn huỳnh quang thải; pin, ắc quy chì thải; dầu mầu que hàn thải; vật liệu bầy dầu mỡ phát sinh khoảng 212 kg.

2.5.2. Giai đoạn vận hành

Gồm các loại chất thải: dầu động cơ hộp số và tổng hợp thải, giẻ lau, găng tay dính dầu, bình thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải, nước thải nhiễm dầu, pin, ắc quy thải, các bộ phận, linh kiện điện tử thải... ước khoảng 1.415 kg/năm.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: lắp đặt 03 nhà vệ sinh di động dung tích bồn chứa cần bả 600 lít; hộp đồng với đơn vị có chức năng thông thường xuyên đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng: Nước thải thi công, nước thải rửa xe sẽ được thu gom hố ga lắng cần có thể tích 3m³ tại cửa thu nước của hố gom có đặt vật liệu miếng xốp mùn để nâng cao hiệu quả loại bỏ dầu mỡ.

3.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại với tổng thể tích là 28 m³; nước thải nhà bếp được đưa qua bể tách dầu mỡ với thể tích 5 m³ sau đó được đưa vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 7 m³/ngày đêm, quy trình: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → bể điều hòa → bể anoxic → bể oxic → bể lắng → bể khử trùng → nước thải đạt tiêu chuẩn và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Yên Mỹ II.

- Nước mưa chảy tràn: Có hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa được thu gom vào hệ thống công thoát nước D300, D400, D500, D600 và qua hố ga thoát vào hệ thống thoát nước mưa của KCN.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Không sử dụng các loại xe, máy không đủ tiêu chuẩn lưu hành, thi công trong dự án; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc công trình và phương tiện vận tải.

- Thường xuyên tưới ẩm, phun nước các đoạn đường xung quanh dự án để hạn chế bụi.

- Phủ bạt kín các xe chở vật liệu xây dựng để tránh phát tán bụi.

3.2.2. Giai đoạn vận hành

- Lắp đặt hệ thống thông gió cục bộ bằng quạt công nghiệp cho các khu vực sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân: quần áo, găng tay, mũ, khẩu trang, nút tai...

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa có dung tích 200 lít, lưu giữ tại khu vực có mái che, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải xây dựng: sắt thép có khả năng tái chế được bán giao cho đơn vị có đủ năng lực tái chế theo quy định; gạch, đá, cát,... được tận dụng san lấp mặt bằng; các loại chất thải khác sẽ được thu gom về khu vực lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải sinh hoạt được thu gom, phân loại và chứa trong các thùng chuyên dùng sau đó vận chuyển về khu lưu giữ tạm thời có mái che, tường bao với diện tích 9,5 m², hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải công nghiệp thông thường được thu gom, phân loại và chứa trong các thùng chuyên dùng sau đó vận chuyển về khu lưu giữ tạm thời có mái che, tường bao với diện tích 9,5 m², hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại được thu gom vào thùng chứa có dung tích 200 lít, lưu giữ tại khu vực có mái che, dân biên cảnh báo, diện tích 5 m², hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại được thu gom về khu lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích 15 m² có mái che, bố trí rào và hố thu chất thải lỏng, dân biên cảnh báo và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giám thiểu tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị được lắp đặt thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Trồng cây xanh xung quanh khu đất dự án với diện tích 2.046,3 m².

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy và trang bị phương tiện chữa cháy đầy đủ theo quy định.

- Định kỳ bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường, vận hành ổn định, khi gặp sự cố sẽ khắc phục kịp thời và kịp thời sửa chữa đảm bảo hệ thống vận hành trong thời gian sớm nhất; dùng hoạt động sản xuất nếu không khác phục kịp thời.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Công trình xử lý nước thải: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 07 m³/ngày đêm.

- Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn: bố trí khu vực có mái che lưu giữ chất thải rắn thông thường có diện tích 9,5 m² và chất thải sinh hoạt với diện tích 9,5 m²; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có mái che và gần biên cảnh bảo với diện tích 15 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

* *Giám sát nước thải:*

- Số vị trí: 01 điểm.

- Vị trí giám sát: Hồ ga trước khi thoát vào hệ thống thu gom của KCN. -

Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, dầu mỡ khoáng, amoni, sunfua, coliform.

- Tần suất giám sát: 01 lần/giai đoạn thi công.

- Tiêu chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Yên Mỹ II.

* *Giám sát chất thải rắn:*

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn tạm thời.

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng.

- Tần suất: Thường xuyên, định kỳ tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành:

* *Giám sát nước thải:*

- Vị trí giám sát:

+ NT1: Nước thải sinh hoạt trước hệ thống xử lý.

+ NT2: Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, dầu mỡ khoáng, NH₄⁺, tổng N, tổng P, sunfua, clo dư, coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Yên Mỹ II.

* *Giám sát chất thải rắn:*

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn tạm thời.

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng.

- Tần suất: Thường xuyên, định kỳ tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án:

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng môi trường không khí, đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh QCVN 05:2013/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh QCVN 06:2009/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan trong quá trình vận hành Dự án.

- Thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý toàn bộ các chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh đảm bảo đạt quy định về nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Yên Mỹ II; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thoát vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp; xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

6.2. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Lập kế hoạch và đảm bảo phương tiện, nhân lực để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra.

- Nghiêm túc thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu trữ số liệu giám sát và định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh.

- Lập và gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án theo quy định tại Điều 16b Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

- Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường./.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0101816468

Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 11 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 10 tháng 06 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KOREA ELECTRICAL EQUIPMENT
JOINT STOCK COMPANY
Tên công ty viết tắt: KOREA.JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đường D2, Khu Công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh
Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0888853368

Fax: 02436649926

Email: caphangquoc@gmail.com

Website: caphienhangquoc.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 55.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 5.500.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HOÀNG DUYÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/02/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

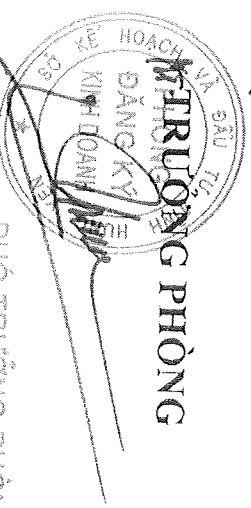
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034181015737

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 9, lô TT1A, khu đô thị mới Tây Nam Linh Đàm, Phường
Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 9, lô TT1A, khu đô thị mới Tây Nam Linh Đàm, Phường Hoàng
Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

NGUYỄN THỊ THU THỦY

Số: 469/TB-BQL

Hưng Yên, ngày 28 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO
Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng

Kính gửi: Công ty Cổ phần thiết bị điện Hàn Quốc.

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 86/2021/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ hồ sơ thiết kế công trình dự án Nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện của Công ty Cổ phần thiết bị điện Hàn Quốc (Công ty) làm chủ đầu tư, trong KCN Yên Mỹ II, đã được Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên thẩm định và cấp Giấy phép xây dựng số 26/GPXD ngày 18/6/2020;

Căn cứ Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình số 09/BCHT ngày 06/4/2022; Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình giữa chủ đầu tư dự án và Nhà thầu xây dựng lập ngày 02/12/2021; Biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình lập ngày 22/4/2022; Văn bản chấp thuận nghiệm thu về PCCC số 98/NT-PC07 ngày 30/3/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hưng Yên;

Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chấp thuận kết quả nghiệm thu của Công ty Cổ phần thiết bị điện Hàn Quốc để đưa vào sử dụng đối với công trình như sau:

I. Thông tin về công trình:

- Tên công trình: Nhà văn phòng hợp khối với Nhà xưởng sản xuất (ký hiệu số 1&2); Nhà bảo vệ (ký hiệu số 3); Nhà để xe (ký hiệu số 4); Nhà bơm, bể nước ngầm (ký hiệu số 5); Trạm điện (ký hiệu số 6); Bể xử lý nước thải.

Các công trình đã thi công xây dựng có quy mô kích thước và vị trí định vị cơ bản phù hợp với tổng mặt bằng dự án được phê duyệt và nội dung Giấy phép xây dựng số 26/GPXD ngày 18/6/2020.

- Địa điểm xây dựng: Đường D2, KCN Yên Mỹ II, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

- Loại và cấp công trình: Công trình công nghiệp nhẹ; cấp III.

2. Yêu cầu đối với Chủ đầu tư:

- Phối hợp với các chủ thể tham gia xây dựng lập quy trình vận hành, khai thác công trình và quy trình bảo trì công trình theo quy định; Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng thiết kế được duyệt.
- Lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Điều 26, Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đảm bảo quy định;

Ban Quản lý các KCN thông báo để Công ty Cổ phần thiết bị điện Hàn Quốc biết, thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QHXD.Ngh⁰³

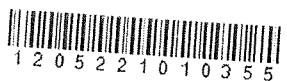
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



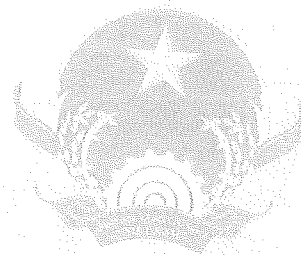
Vũ Quang Thắng

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ nội dung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0101816468 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên đăng ký lần đầu ngày 03/11/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 15/4/2021.
Địa chỉ trụ sở chính: Đường D2, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

DD 478114

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
06	1000	Xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	1297,0	Sử dụng riêng	Đất khu công nghiệp	Đến ngày 02/6/2065	Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp
09	2014	Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	8703,0				

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác:

- a) Tên công trình: Nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện,
b) Thông tin chi tiết về công trình:

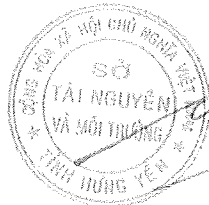
Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng sản xuất (1)	5400,0	5400,0	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà văn phòng (2)	320,0	692,8	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà bơm bể nước ngầm (3)	20,0	20,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
Trạm điện (4)	21,0	21,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
Nhà để xe (5)	123,2	123,2	Sở hữu riêng	IV	-/-
Nhà bảo vệ (6)	42,0	42,0	Sở hữu riêng	IV	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: Không.

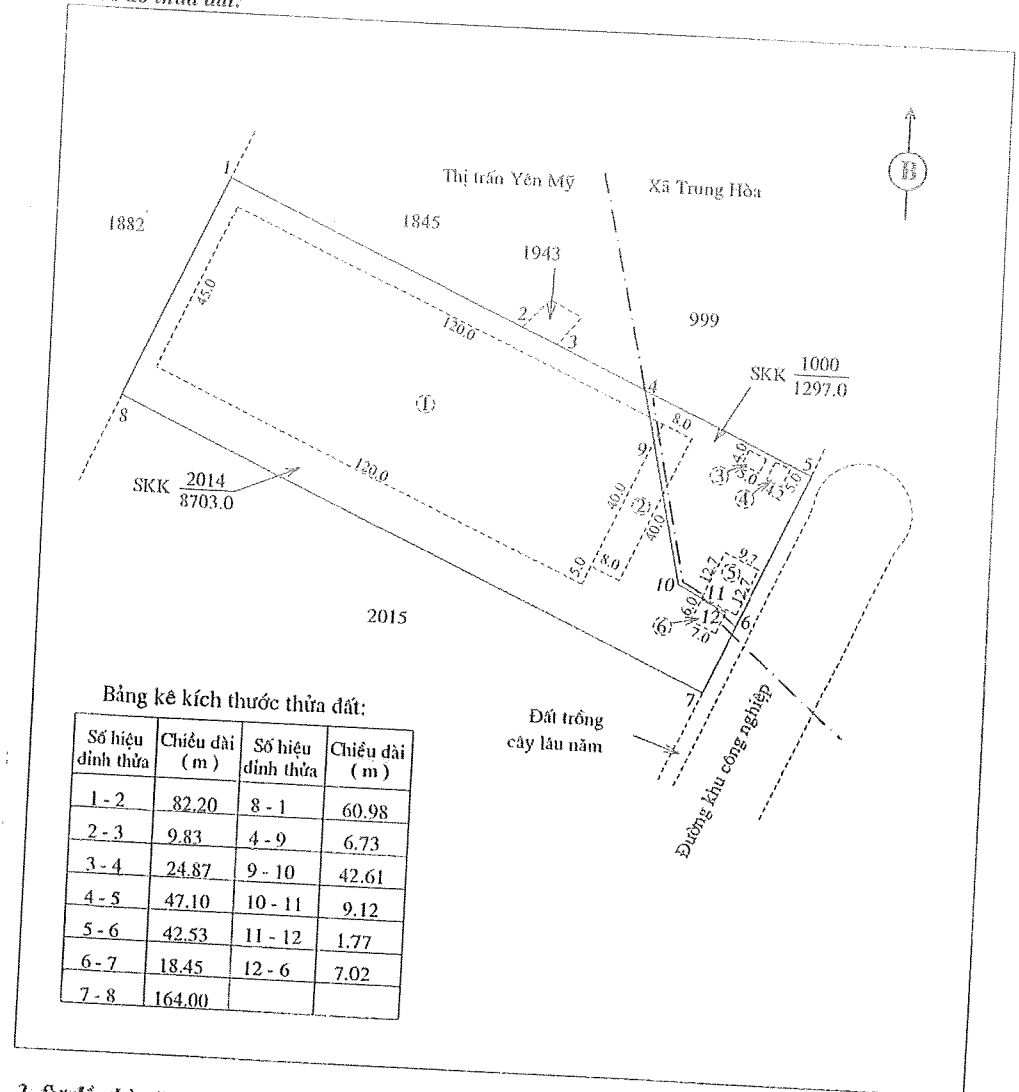
Hưng Yên, ngày 05 tháng 5 năm 2022
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HƯNG YÊN
GIÁM ĐỐC



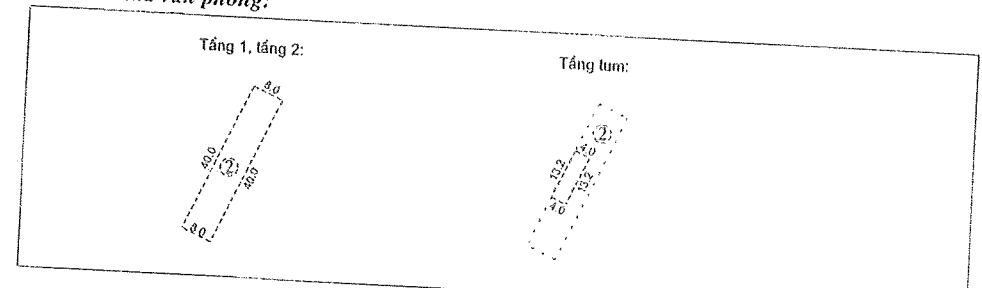
Nguyễn Văn Phú

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Sơ đồ thửa đất:



2. Sơ đồ nhà văn phòng:



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8844876841

Chúng nhận lần đầu: Ngày 8 tháng 1 năm 2020

Chúng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 5 tháng 4 năm 2024

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8844876841 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 8/1/2020;

Căn cứ Quyết định số 183/2003/QĐ-TTg ngày 08/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty Cổ phần thiết bị điện Hàn Quốc nộp ngày 2/4/2024.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HƯNG YÊN

Chúng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT DÂY ĐIỆN VÀ CÁP ĐIỆN; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8844876841 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 8/1/2020; được đăng ký điều chỉnh thông tin nhà đầu tư, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

- Tên nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC;
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101816468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên đăng ký lần đầu ngày 3/11/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 10/6/2022;

- Địa chỉ trụ sở chính: Đường D2, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam;

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hoàng Duyên; sinh ngày 17/2/1981; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Thẻ căn cước công dân số 034181015737 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 9/5/2021; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: Số 9, lô TT1A, khu đô thị mới Tây Nam Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam; Chức danh: Giám đốc.

Dăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT DÂY ĐIỆN VÀ CÁP ĐIỆN.

2. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện.

3. Quy mô dự án:

3.1. Công suất thiết kế: 2.400 tấn sản phẩm/năm.

3.2. Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến: Nhà xưởng sản xuất (5.400 m²), nhà điều hành và một số công trình phụ trợ khác (600 m²).

3.3. Sản phẩm đầu ra: dây điện và cáp điện.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Đường D2, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ và xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

5. Diện tích đất sử dụng: 10.000 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 118.500.000.000 đồng. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 55.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 46,4 % tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức như sau: chủ đầu tư góp 36.000.000.000 đồng bằng tiền mặt, chiếm 65,5% vốn góp; và 19.000.000.000 đồng bằng máy móc thiết bị, chiếm 34,5 % vốn góp.

Tiến độ góp vốn: chủ đầu tư cam kết đã góp đủ vốn góp thực hiện dự án.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 02/6/2065.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Thực hiện thủ tục hành chính: Từ tháng 01/2020 đến tháng 3/2020;
- Xây dựng nhà xưởng: Từ tháng 4/2020 đến tháng 9/2020;
- Lắp đặt một phần máy móc, thiết bị và chạy thử: Từ tháng 10/2020 đến tháng 12/2020 và đưa vào hoạt động: Từ tháng 01/2021;
- Lắp đặt toàn bộ máy móc, thiết bị và chạy thử: Từ tháng 9/2021 đến tháng 11/2021;

- Hoàn thành đầu tư và đưa toàn bộ dự án vào hoạt động: Từ tháng 12/2021.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Khoản 3 và 4 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Khoản 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số năm 2014 và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

- Cập nhật đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định. Thực hiện chế độ giám sát, luật về đầu tư tại Việt Nam.

- Triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung đã đăng ký và được chúng nhận trong nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, lao động và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8844876841 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 8/1/2020.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN Hưng Yên và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Các sở, ngành: TN&MT, CT, KH&CN; Cục thống kê tỉnh; Cục thuế tỉnh; Công an tỉnh; Chi cục HQ Hưng Yên;
- Công ty TNHH PTHT KCN Hòa Phát IHY;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng: VP, DN, QHXD, TNMT;
- Lưu VT, DT Pg.

PHÓ TRƯỞNG BAN PHỤ TRÁCH

Vũ Quốc Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: *ND* /2024/HDCN/URENCO11

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 07 năm 2024, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty CP Thiết Bị Điện Hàn Quốc

Địa chỉ: Đường D2, KCN Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : 02436648242 Fax: 02436649926

Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Hoàng Duyên Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế : 0101816468

Tài khoản số: 0551100355007 tại NHTMCP Quân Đội-CN Hai Bà Trưng Hà Nội và

Bên B: Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - URENCO11

Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0221 3 999 072 Fax: 0221 3 981 489

Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Tiến Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0900291087

Tài khoản số: 7401100596008 tại ngân hàng Thương mại CP Quân đội – Chi nhánh Hưng Yên

(Bên A và Bên B được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “các Bên” hoặc “hai Bên”)
Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng này với những điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Chứng loại chất thải và đơn giá xử lý

- 1.1. Bên A đồng ý chuyển giao và Bên B đồng ý thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A theo danh mục được liệt kê trong Phụ lục đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp đồng này.
- 1.2. Khối lượng của từng loại chất thải được xác nhận theo nhất ký vận chuyển thực tế theo từng đợt thu gom tại địa điểm thu gom của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.
- 1.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh chất thải khác thì hai Bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục Hợp đồng cho từng loại chất thải phát sinh.
- 1.4. Đơn giá xử lý của từng loại chất thải được thể hiện trong Phụ lục hợp đồng đính kèm và có thể thay đổi theo giá cả thị trường. Khi có đề xuất thay đổi Bên B phải gửi công văn cho Bên A để hai bên bàn bạc, thống nhất. Mọi sự thay đổi về giá theo thỏa thuận, hai Bên sẽ thống nhất trong các phụ lục Hợp đồng.

Điều 2. Đặc tính, địa điểm, thời gian giao nhận và phương tiện vận chuyển

- 2.1. Đặc tính chất thải: Bao gồm các loại chất thải thông thường và chất thải công nghiệp nguy hại chi tiết theo phụ lục đính kèm.
- 2.2. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho chứa chất thải Bên A (địa chỉ: Đường D2, KCN Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên)
- 2.2. Thời gian giao nhận: Bên A thông báo thời gian giao nhận chất thải cho Bên B trước ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian chuẩn bị phương án thu gom, phương tiện vận chuyển.
- 2.3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh, để vận chuyển chất thải theo quy định của Bên A và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thanh toán và thời hạn thanh toán

- 3.1 Điều khoản thanh toán
Bên A sẽ thanh toán cho Bên B dựa trên hóa đơn tài chính và biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai Bên mỗi tháng một lần hoặc theo từng đợt phát sinh căn cứ vào thỏa thuận của hai bên.
- 3.2 Phương thức thanh toán: Bên A chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt cho bên B.
- 3.3 Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ tiến hành thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi Bên

- 4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A
 - a. Bên A hoàn tất các thủ tục cần thiết khác một cách nhanh chóng, tạo thuận lợi cho Bên B vào và thu gom, vận chuyển chất thải ra khỏi nhà máy Bên A. Chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các loại chất thải không giao cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.

b. Chất thải phải được kiểm soát từ nguồn theo quy định của Luật Môi trường. Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn và lưu trữ theo đúng quy định, đảm bảo thành phần chất thải như đã thông báo với Bên B. Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo cho bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh đơn giá phù hợp.

c. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

d. Bên A được phép kiểm tra bất cứ quá trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A mà Bên B tiến hành xử lý.

e. Bên A được quyền yêu cầu Bên B bồi thường trong trường hợp Bên B gây ra thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và pháp luật liên quan.

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

a. Phải tuân thủ những chính sách, quy định nội bộ của Bên A, như chính sách môi trường, các quy định liên quan khác và chỉ dẫn của người phụ trách Bên A trong suốt quá trình làm việc ở nhà máy của Bên A.

b. Cung cấp cho Bên A toàn bộ hồ sơ năng lực đủ điều kiện hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

c. Chịu chi phí chuyên chở và bốc xếp, chọn lựa và vận chuyển đúng chủng loại chất thải và chi phí vận điện từ (nếu có) theo hợp đồng đã được ký.

d. Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A. Không để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Nếu để chất thải rò rỉ, phát tán ra môi trường, Bên B phải chịu trách nhiệm, chi phí xử lý.

e. Bên B có trách nhiệm đảm bảo khối lượng chất thải được thu gom, nhận chuyển giao từ Bên A không vượt quá công suất xử lý và khối lượng được cấp phép trong giấy phép môi trường của Bên B.

f. Bên B phải đảm bảo tất cả phương tiện vận chuyển của bên B phải đáp ứng các yêu cầu của pháp luật hiện hành.

g. Bên B phải hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải thông thường và chất thải nguy hại và bàn giao lại cho Bên A ngay sau khi chất thải nguy hại được xử lý theo quy định.

h. Trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng này, Bên B phải luôn đảm bảo có và duy trì các loại giấy phép do cơ quan nhà nước cấp liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật hiện hành. Nếu Bên B bị thu hồi giấy phép hoặc bị đình chỉ việc sử dụng giấy phép hoặc tạm dừng việc cấp phép mới hoặc đổi mới phát sinh trong trường hợp theo quy định mới của pháp luật đặt ra thì Bên A có quyền đơn phương dừng hợp đồng mà không cần sự đồng ý của Bên B.

Điều 5. Thực thi hợp đồng

5.1 Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên. Trong trường hợp phát sinh công việc không nằm trong nội dung của hợp đồng thì hai Bên cùng thỏa thuận bàn bạc thống nhất và lập thành phụ lục bổ sung cho hợp đồng này.

5.2 Hợp đồng sẽ không còn hiệu lực trong các trường hợp sau:

a. Hết hạn hợp đồng.

b. Khi có bất kỳ thay đổi nào của pháp luật Việt Nam hoặc có quyết định của các cấp có thẩm quyền cho rằng hợp đồng này không có giá trị thực hiện.

c. Bên A hoặc Bên B ngừng sản xuất hoặc phá sản.

d. Bên B bán cơ sở kinh doanh cho bên thứ 3, Bên B đổi chủ sở hữu hoặc chuyển quyền hợp đồng cho bên thứ 3 mà chưa được sự cho phép của Bên A bằng văn bản.

5.3 Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong khoản 5.2 điều này; trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên nào muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước một (01) tháng bằng văn bản cho Bên kia.

Điều 6. Giải quyết tranh chấp

6.1 Hợp đồng này được điều chỉnh bởi các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

6.2 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh về các điều khoản của hợp đồng, đầu tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau trong vòng 30 ngày. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý thuê luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

Điều 7. Những điều khoản khác

7.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2024 đến hết ngày 31/07/2025.

7.2 Trong trường hợp một hoặc nhiều Điều, khoản, điểm trong hợp đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của pháp luật thì các Điều, khoản, điểm khác của hợp đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với hai Bên.

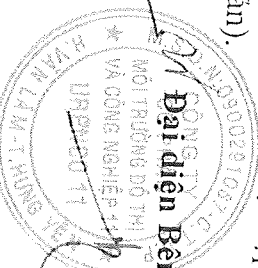
7.3 Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.

Hợp đồng giữa URENCO I và Công ty CP Thiết Bị Điện Hàn Quốc được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau (mỗi Bên giữ 02 bản).

Đại diện Bên A



Đại diện Bên B



11/08/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 01

Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI SỐ:/2024/HDCN/URENCO11 ký ngày 22 tháng 07 năm 2024. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

Hôm nay, ngày 22 tháng 07 năm 2024, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty CP Thiết Bị Điện Hàn Quốc

Địa chỉ: Đường D2, KCN Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Hoàng Duyên Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế : 0101816468

Bên B: Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - URENCO11

Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Tiến

Mã số thuế: 0900291087 Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thống nhất ký kết một phụ lục hợp đồng theo các điều khoản sau:
Danh mục chất thải và đơn giá: Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT

STT	Danh mục chất thải	Mã chất thải	Đơn vị	Giá xử lý (VND)
1	Găng tay giẻ lau dính dầu	18 02 01	Kg	6.000
2	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Kg	6.000
3	Chất thải chứa thành phần nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất (cát thẩm dầu)	18 02 01	Kg	6.000
4	Dầu thải	17 02 03	Kg	4.000
5	Chất thải thông thường không dính thành phần nguy hại		Kg	2.500

Phụ lục này có hiệu lực từ ngày 01/08/2024 đến hết ngày 31/07/2025 và được lập thành 04 bản, từng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 02 bản.

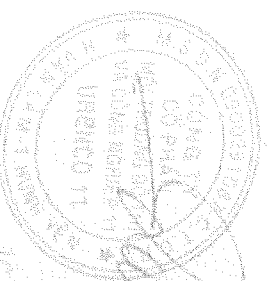
Đại diện Bên A

Đại diện Bên B

Year	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	2035	2036	2037	2038	2039	2040	2041	2042	2043	2044	2045	2046	2047	2048	2049	2050	2051	2052	2053	2054	2055	2056	2057	2058	2059	2060	2061	2062	2063	2064	2065	2066	2067	2068	2069	2070	2071	2072	2073	2074	2075	2076	2077	2078	2079	2080	2081	2082	2083	2084	2085	2086	2087	2088	2089	2090	2091	2092	2093	2094	2095	2096	2097	2098	2099	2100
1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	2035	2036	2037	2038	2039	2040	2041	2042	2043	2044	2045	2046	2047	2048	2049	2050	2051	2052	2053	2054	2055	2056	2057	2058	2059	2060	2061	2062	2063	2064	2065	2066	2067	2068	2069	2070	2071	2072	2073	2074	2075	2076	2077	2078	2079	2080	2081	2082	2083	2084	2085	2086	2087	2088	2089	2090	2091	2092	2093	2094	2095	2096	2097	2098	2099	2100	

[illegible][illegible]

1. Introduction
 2. Background
 3. Methodology
 4. Results
 5. Discussion
 6. Conclusion
 7. References
 8. Appendix
 9. Tables
 10. Figures
 11. Summary
 12. Abstract
 13. Keywords
 14. Subject
 15. Index
 16. Notes
 17. Footnote
 18. Page
 19. Page
 20. Page
 21. Page
 22. Page
 23. Page
 24. Page
 25. Page
 26. Page
 27. Page
 28. Page
 29. Page
 30. Page
 31. Page
 32. Page
 33. Page
 34. Page
 35. Page
 36. Page
 37. Page
 38. Page
 39. Page
 40. Page
 41. Page
 42. Page
 43. Page
 44. Page
 45. Page
 46. Page
 47. Page
 48. Page
 49. Page
 50. Page
 51. Page
 52. Page
 53. Page
 54. Page
 55. Page
 56. Page
 57. Page
 58. Page
 59. Page
 60. Page
 61. Page
 62. Page
 63. Page
 64. Page
 65. Page
 66. Page
 67. Page
 68. Page
 69. Page
 70. Page
 71. Page
 72. Page
 73. Page
 74. Page
 75. Page
 76. Page
 77. Page
 78. Page
 79. Page
 80. Page
 81. Page
 82. Page
 83. Page
 84. Page
 85. Page
 86. Page
 87. Page
 88. Page
 89. Page
 90. Page
 91. Page
 92. Page
 93. Page
 94. Page
 95. Page
 96. Page
 97. Page
 98. Page
 99. Page
 100. Page

[illegible][illegible][illegible]

HOBOGIRL CATS

Ngày 28 tháng 06 năm 2024

Mã của cơ quan thuế: 007452C3DRB0544456459

Sociodemographic Data

Tên đơn vị bán hàng.
Mã số thuế:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG

Di chi:

0900227074

Website :

— 100 —
HOA PHAI HƯNG YÊN

Số tài khoản:

http://www.hoaphat.com.vn
0591.000398588
Việt Nam

Ngân hàng:

0591000398588

Họ tên người mua hàng:

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên

Tên đơn vị mua hàng:

Mã số thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC
0101816468

01816468

Số tài khoản:

Đường D2, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên.

Ngân hàng:

Hình thức thanh toán: TMCK

[illegible]

NGƯỜI MUA HÀNG
(Kỳ, ghi rõ họ, tên)

CO'OLANT TUBE

(Kỹ, dòng chảy)

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Trà cứu hỏa đơn tại: <https://khaihackcupua-t78.vnp-ivoice.com.vn> Mã tra cứu: FB00000000000610481
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lắp, giao, nhận hóa đơn)



Đơn vị cung cấp pháp hóa tôn giáo nư: Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông - VNPT Telephone. MST: 01165869738. Điện thoại: 1800.1260.

Ngày 30 tháng 07 năm 2024

Ký hiệu: C-4
Số: 000.000.000.000.000

Mã của cơ quan thuế: 002D6D73B0R3F647F594BED50FE4ED0477

Tên đơn vị bán hàng:

Mã số thuế:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT HƯNG YÊN
0900227074

Dia chi:

Website :

Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
<http://www.hoanhat.com.vn>

Số tài khoản:

0591000398588

Ngân hàng:

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị mua hàng:

Mã số thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC
0101816468

Diachī:

Số tài khoản:

Đường D2, Khu công nghiệp Yên Mỹ II Thị trấn Yên Mỹ huyện Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên

Ngân hàng:

Hình thức thanh toán: T.M.C.K

[illegible]

NGƯỜI MUA HÀNG
(Kỳ, ghi rõ họ, tên)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

CƠ QUAN THỰC
(Ký, đóng dấu)

(Kỳ, dòng chầu)

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Tru cùn hóa đom tại: <https://kbaibackerra-#78>

Mã tra cứu: FB0000000000000619508



Ngày 29 tháng 08 năm 2024

Mã căn cứ quân thuế: 005022244C036E415F980DCF9EE1D250C9

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT HƯNG YÊN
0900227074

0900227074

0900227074

Khu công nghiệp Phố Mới A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
<http://www.hoaphat.com.vn>

0591000398588

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC

8949181010

Đường D2, K

Đường D2, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TMCK

NGƯỜI MUA HÀNG
(Kỳ, ghi rõ họ, tên)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Kỳ, dòng đầu, ghi rõ họ, tên)

Tra cứu học đơn vị: <https://hoaihack.vn/vn-78/vpn-invoice.com.vn> Mã tra cứu: FB000000000000062773
(Cần kiểm tra, đổi chiều khi lắp, giao, nhận hóa đơn)



Ký hiệu: 1007.1.011.1

Ngày 28 tháng 09 năm 2024

Tên đơn vị bán hàng:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HÀ TANG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT HƯNG YÊN
0900227074

Mã số thuế: 0900227074

0900227074

Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

<http://www.hoaphat.com.vn>

0591000398588

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên

Ngân hàng IMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC

0101816468

Đường D2, K.

Đường D2: Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị Trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TMCK

NGƯỜI MUA HÀNG
(Kì ghi rõ họ, tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG

[illegible]

(Kỷ, dòng dân)

(Kỳ, dòng đầu, ghi rõ họ, tên)

Trụ cầu hóa đơn từ: <https://khathackempna-478.vmyt-invoice.com.vn> Mã tra cứu: FB0000000000000636517
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Ngày 30 tháng 10 năm 2024

Ký hiệu: 100.000.000
Số: 100.000.000

Mã của cơ quan thuế: 00BC13C4947778436E8D9159EB7B312760

Tên đơn vị bán hàng:

Mã số thuế:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT HƯNG YÊN
0900227074

Di-chi:

Khu công nghệ

Diecht:

Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Số tài khoản:

0591000398588

Ngân hàng:

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị mua hàng:

Mã số thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC
0101816468

0101816468

Diachū:

Đường D2. Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TMCK

Ngân hàng:

[illegible]

NGƯỜI MUA HÀNG
(Kì, ghi rõ họ, tên)

CƠ QUAN THUẾ
(Kỳ, dòng đầu)

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Kỳ, dòng đầu, ghi rõ họ, tên)

[illegible]

(Cần kiểm tra, đổi chiếu khi lắp, giao, nhận hóa đơn)



Ngày 29 tháng 11 năm 2024

Mã cũn cơ quan thuế: 00714D92C72FE54D7282F0F4BCAFC56FEC

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HÀ TÀNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT HƯNG YÊN
0900227074

0900227074

Nhà công nghiệp P ho Noi A, Xã Gia Pham, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

0591000398588

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên

Ngân hàng IMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC

0101816468

Đường D2, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên và Hà Nội

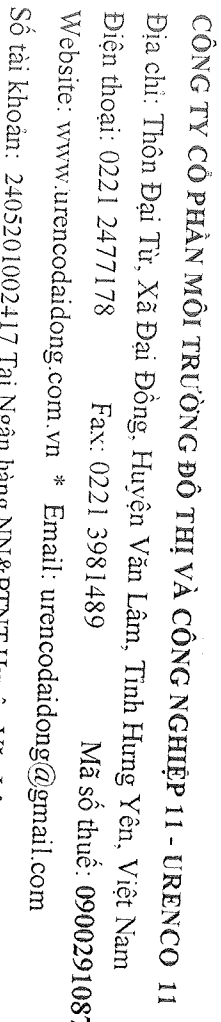
Hình thức thanh toán: TMCK

Hình thức thanh toán: T.M.C.K

NGƯỜI BÁN HÀNG
đồng đầu, ghi rõ họ,

Tru cùn húa đon tai: <https://khaibackcountry.com/#78> , <https://www.facebook.com/khaibackcountry/>

(Cần kiểm tra, đổi chiều khi lắp, giao, nhân hóa đom)



46610000228302 Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Bắc Hưng Yên
7401100596008 Tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hưng Yên
19129984688699 Tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hưng Yên

Ngày 31 tháng 07 năm 2024

Mã cơ quan thuế cấp: 0070B25C849A9A4B5CAC9F009A03B23C4B

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:

Mã số thuế:

Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Điện Hàn Quốc
0101816468

Dia chi:

Dương D2, H

Himn thi

Đường D2, KCN Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên.
UTM Số tài khoản:

Thuế suất GTGT: 8%

Cộng tiền hàng:

1.860.000

[illegible]

Tiền thuế GTGT:

148.800

Số tiền viết bằng chữ:

Hai triệu, không trăm linh tám nghìn, tám trăm đồng chẵn

Tổng cộng tiền thanh toán:

2.008.800

Người mua hàng

(*Ky*, họ tên)

Người bán hàng

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHANGING IN

© 2001 by The McGraw-Hill Companies, Inc.

Figure 1. The effect of the number of trials on the mean number of correct responses. The number of correct responses increased with the number of trials. The number of correct responses was significantly higher for the 10 trials condition than for the 5 trials condition ($p < 0.05$).

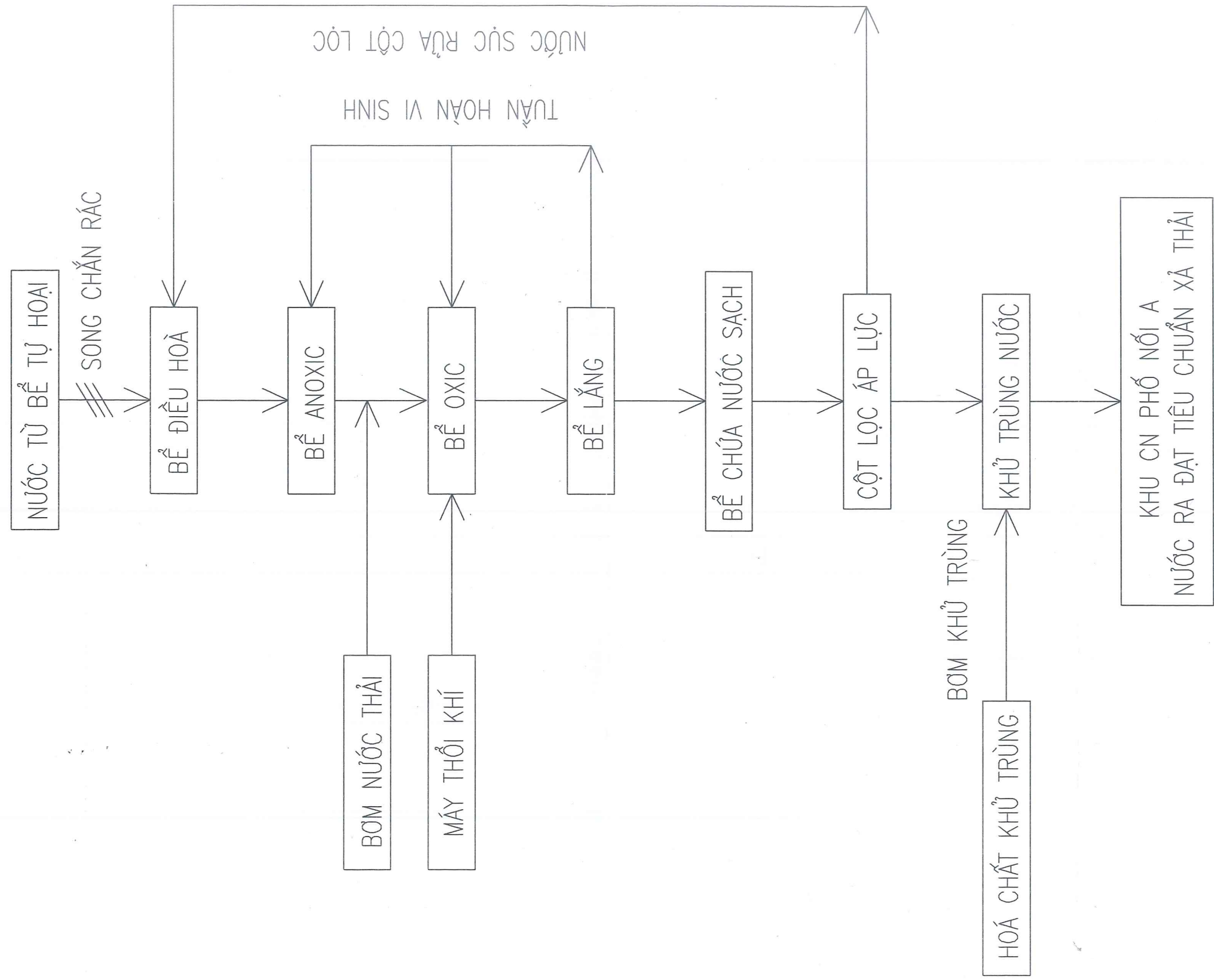
THE

[illegible][illegible][illegible]

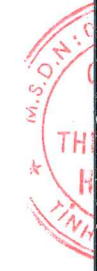
Figure 1 shows the chemical structures of three compounds. Structure 1 is 1,2,3,4-tetrahydro-1,4-benzodioxane, a bicyclic ether with a benzene ring fused to a six-membered ring containing two oxygen atoms. Structure 2 is 1,2,3,4-tetrahydro-1,4-benzodioxane-2-thiol, which is identical to structure 1 but with a thiol group (-SH) at the 2-position. Structure 3 is 1,2,3,4-tetrahydro-1,4-benzodioxane-2-thione, which is identical to structure 1 but with a thione group (=S) at the 2-position.

PHỤ LỤC 2: BẢN VẼ

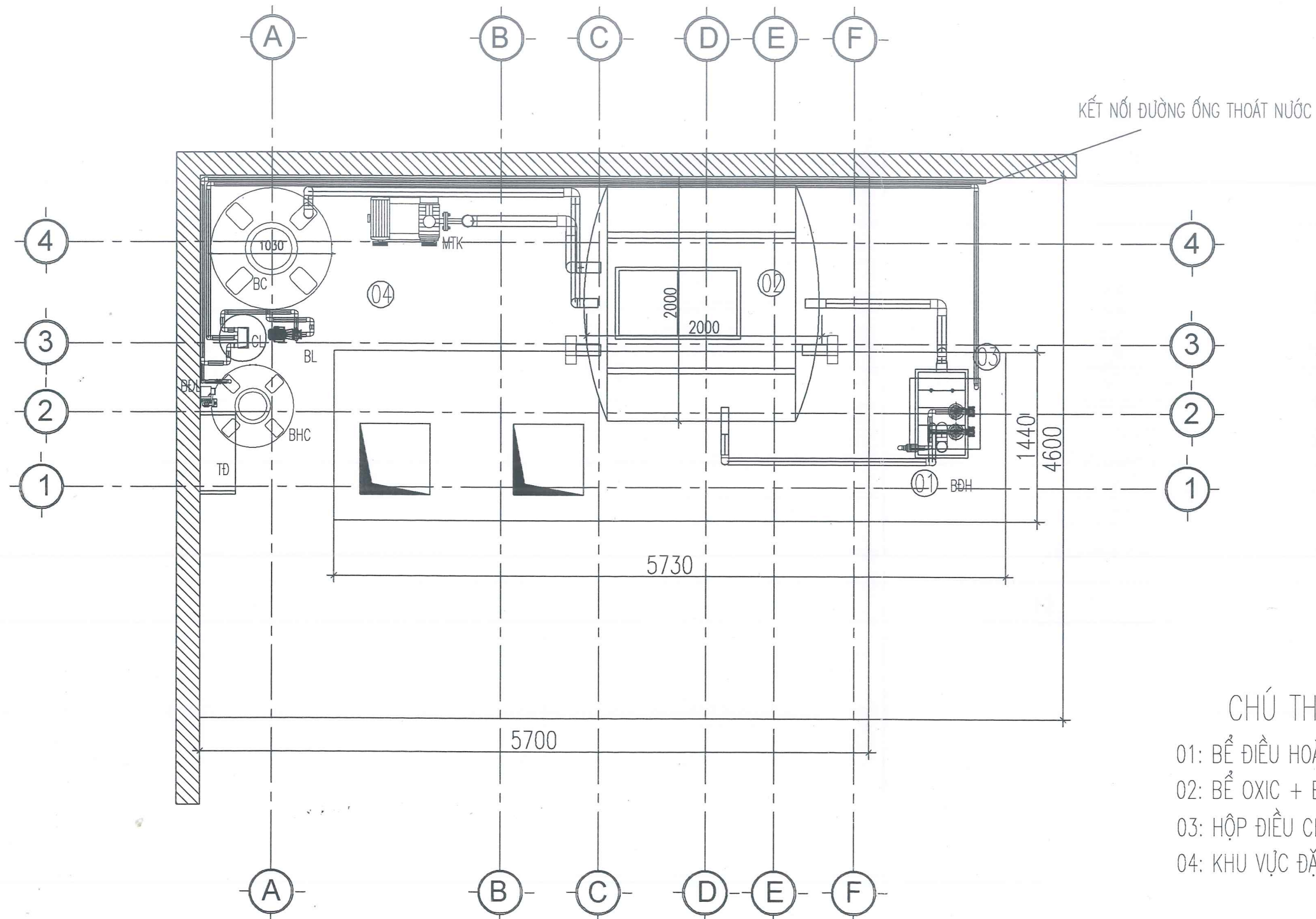
SƠ ĐỒ KHỐI HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC SINH HOẠT



Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
01		
02		
03		
04		
05		
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC TỈNH HUNG YÊN 0101816468 0101816468		
DỰ ÁN		
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT		
ĐỊA ĐIỂM		
KCN PHỐ NỘI A, TRUNG TRÁC, VĂN LÂM, HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ		
CÔNG TY TNHH CNMT VÀ PCCC HAMINCO		
ĐC: 126 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội Tel: 04.221.50479 - 0983552368 Email: haminco369@gmail.com		
Giám đốc		
CAO QUANG HÀ		
Vẽ		
HÀ THỊ LAN		
Kiểm		
CAO QUANG HÀ		
TÊN BẢN VẼ		
SƠ ĐỒ KHỐI HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 7 M3/NGÀY		
Hồ sơ: Thiết kế hoàn công		
Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu bản vẽ
1:1		
A3	02/2021	TC - HMC...



MẶT BẰNG TỔNG HỢP THỐNG



CHÚ THÍCH

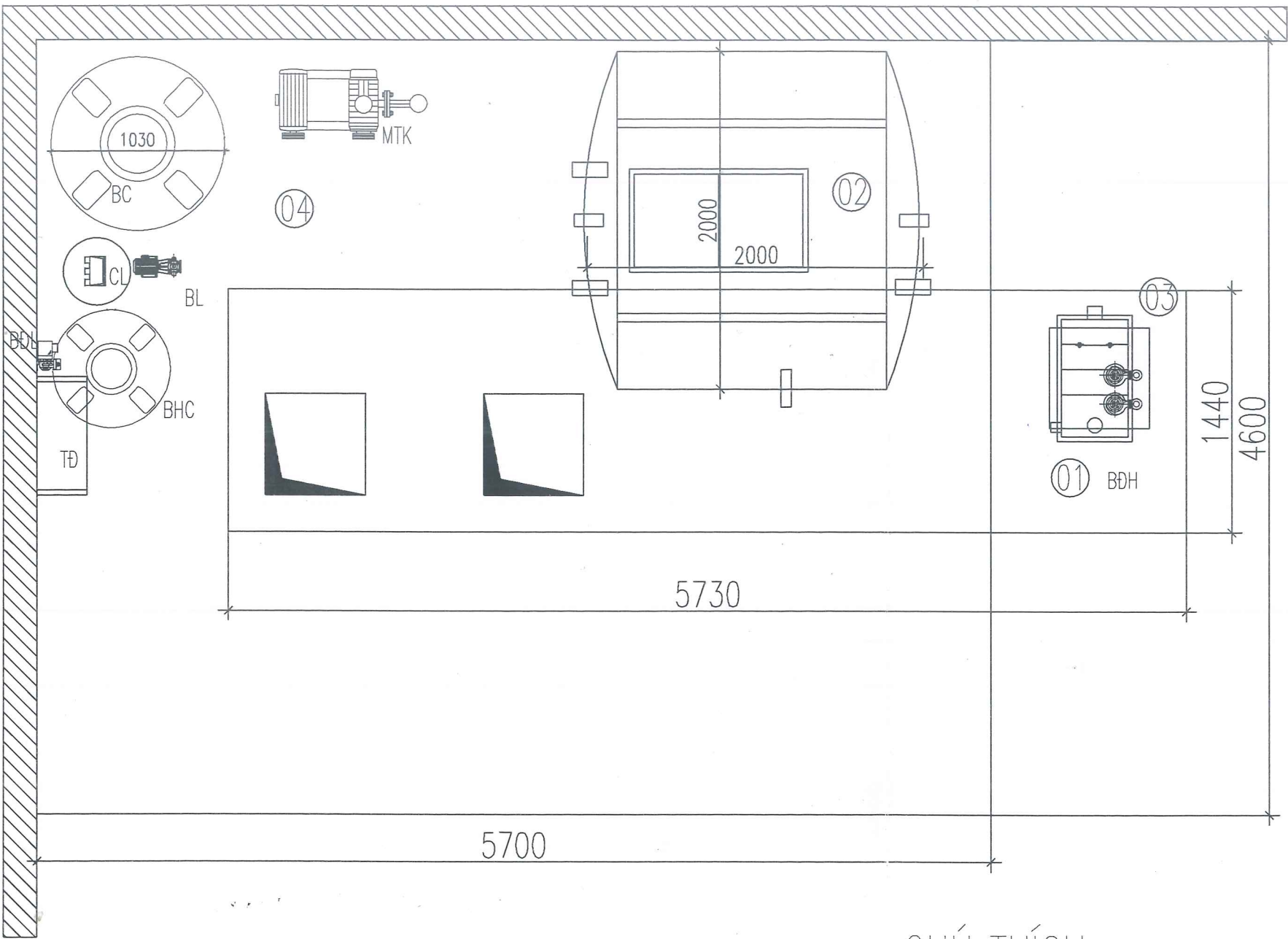
BC: BỒN CHỨA NƯỚC SẠCH
BHC: BỒN HOÁ CHẤT
TĐ: TỦ ĐIỆN
MTK: MÁY THỔI KHÍ
CL: CỘT LỌC ÁP
BL: BƠM LỌC ÁP
BDL: BƠM ĐỊNH LƯỢNG
BDH: BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ

CHÚ THÍCH

- 01: BỂ ĐIỀU HOÀ NƯỚC + ANOXIC
- 02: BỂ OXIC + BỂ LẮNG
- 03: HỘP ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG
- 04: KHU VỰC ĐẶT THIẾT BỊ

Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
01		
02		
03		
04		
05		
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀNG QUỐC TỈNH HUNG YÊN CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC		
DỰ ÁN		
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT		
ĐỊA ĐIỂM		
KCN PHỐ NỔI A, TRUNG TRẮC, VĂN LÂM, HƯNG YÊN		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ		
CÔNG TY TNHH CNMT VÀ PCCC HAMINCO		
ĐC: 126 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội Tel: 04.221.50479 - 0983.552368 Email: haminco369@gmail.com		
Giám đốc		
CAO QUANG HÀ		
Vẽ		
HÀ THỊ LAN		
Kiểm		
CAO QUANG HÀ		
TÊN BẢN VẼ		
MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG NƯỚC THẢI		
Hỗ sơ: Thiết kế hoàn công		
Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu bản vẽ
1:1	02/2021	TC - HMC...
A3		

MẶT BẰNG ĐẶT THIẾT BỊ



CHÚ THÍCH

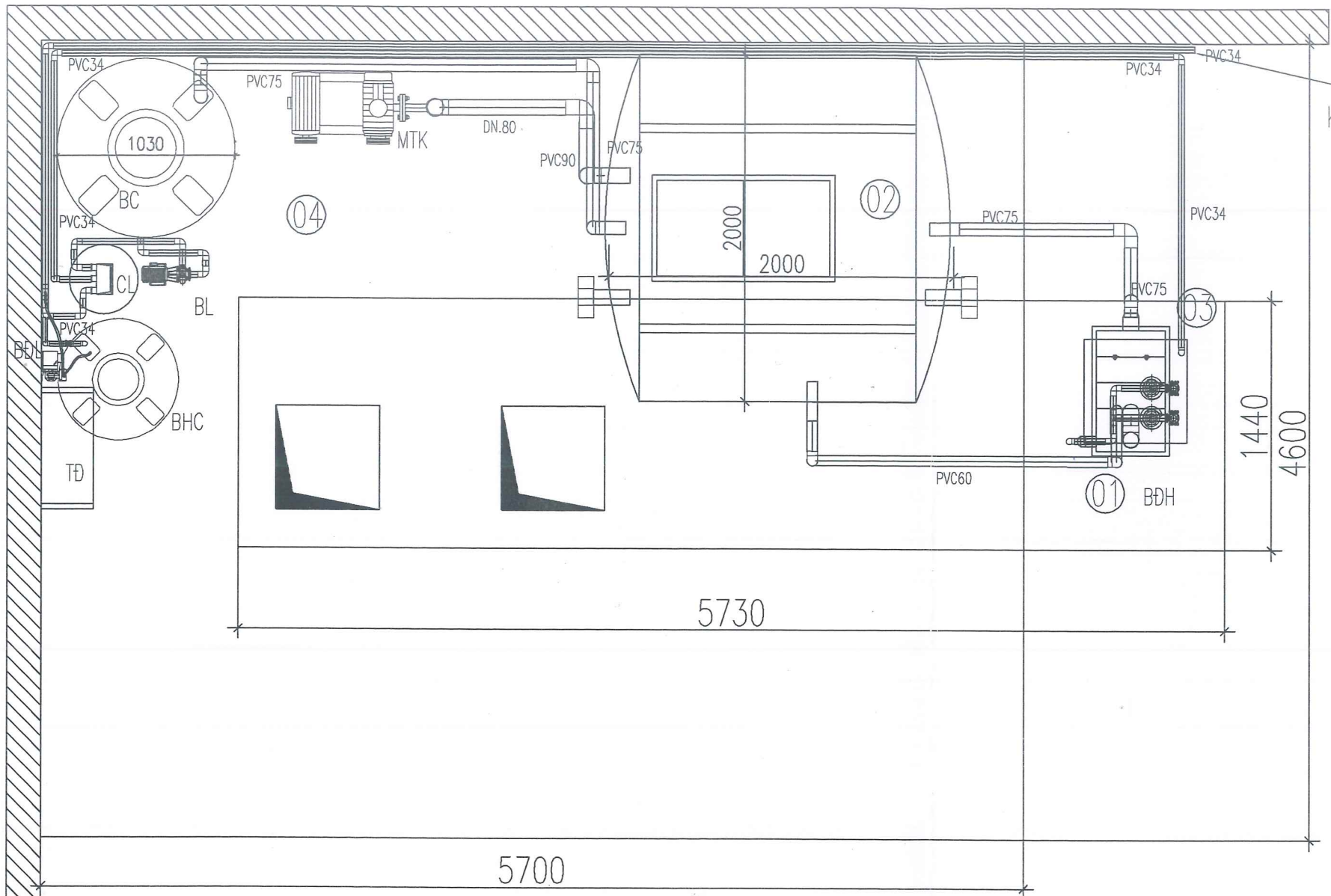
BC: BỒN CHỨA NƯỚC SẠCH
BHC: BỒN HOÁ CHẤT
TĐ: TỦ ĐIỆN
MTK: MÁY THỔI KHÍ
CL: CỘT LỌC ÁP
BL: BƠM LỌC ÁP
BDL: BƠM ĐỊNH LƯỢNG
BDH: BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ

CHÚ THÍCH

01: BỂ ĐIỀU HOÀ NƯỚC + ANOXIC
02: BỂ OXIC + BỂ LẮNG
03: HỘP ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG
04: KHU VỰC ĐẶT THIẾT BỊ

Sửa đổi				
Lần	Ngày	Xác nhận		
01				
02				
03				
04				
05				
CHỮ ĐẤU TÍN 0101010400-C.T.C.P CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀNG QUỐC TỈNH HUNG YÊN				
DỰ ÁN				
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT				
ĐỊA ĐIỂM				
KCN PHỐ NỘI A, TRUNG TRẮC, VĂN LÂM, HƯNG YÊN				
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ				
CÔNG TY TNHH CNMT VÀ PCCC HAMINCO				
ĐC: 126 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội Tel: 04.22150479 - 0983552368 Email: haminco369@gmail.com				
Giám đốc				
CAO QUANG HÀ				
Vẽ				
HÀ THỊ LAN				
Kiểm				
CAO QUANG HÀ				
TÊN BẢN VẼ				
MẶT BẰNG ĐẶT THIẾT BỊ HỆ THỐNG				
Hồ sơ: Thiết kế hoàn công				
Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu bản vẽ		
1:1				
A3	02/2021	TC - HMC...		

MẶT BẰNG ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG



KẾT NỐI ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC

CHÚ THÍCH

- BC: BỒN CHỨA NƯỚC SẠCH
- BHC: BỒN HOÁ CHẤT
- TĐ: TỦ ĐIỆN
- MTK: MÁY THỔI KHÍ
- CL: CỘT LỌC ÁP
- BL: BƠM LỌC ÁP
- BDL: BƠM ĐỊNH LƯỢNG
- BDH: BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ

CHÚ THÍCH

- 01: BỂ ĐIỀU HOÀ NƯỚC + ANOXIC
- 02: BỂ OXIC + BỂ LẮNG
- 03: HỘP ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG
- 04: KHU VỰC ĐẶT THIẾT BỊ



DỰ ÁN

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

ĐỊA ĐIỂM

KCN PHỐ NỘI A, TRUNG TRẮC, VĂN LÂM, HƯNG YÊN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH CNMT VÀ PCCC HAMINCO

ĐC: 126 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội
Tel: 04.22150479 - 0983552368
Email: haminco369@gmail.com

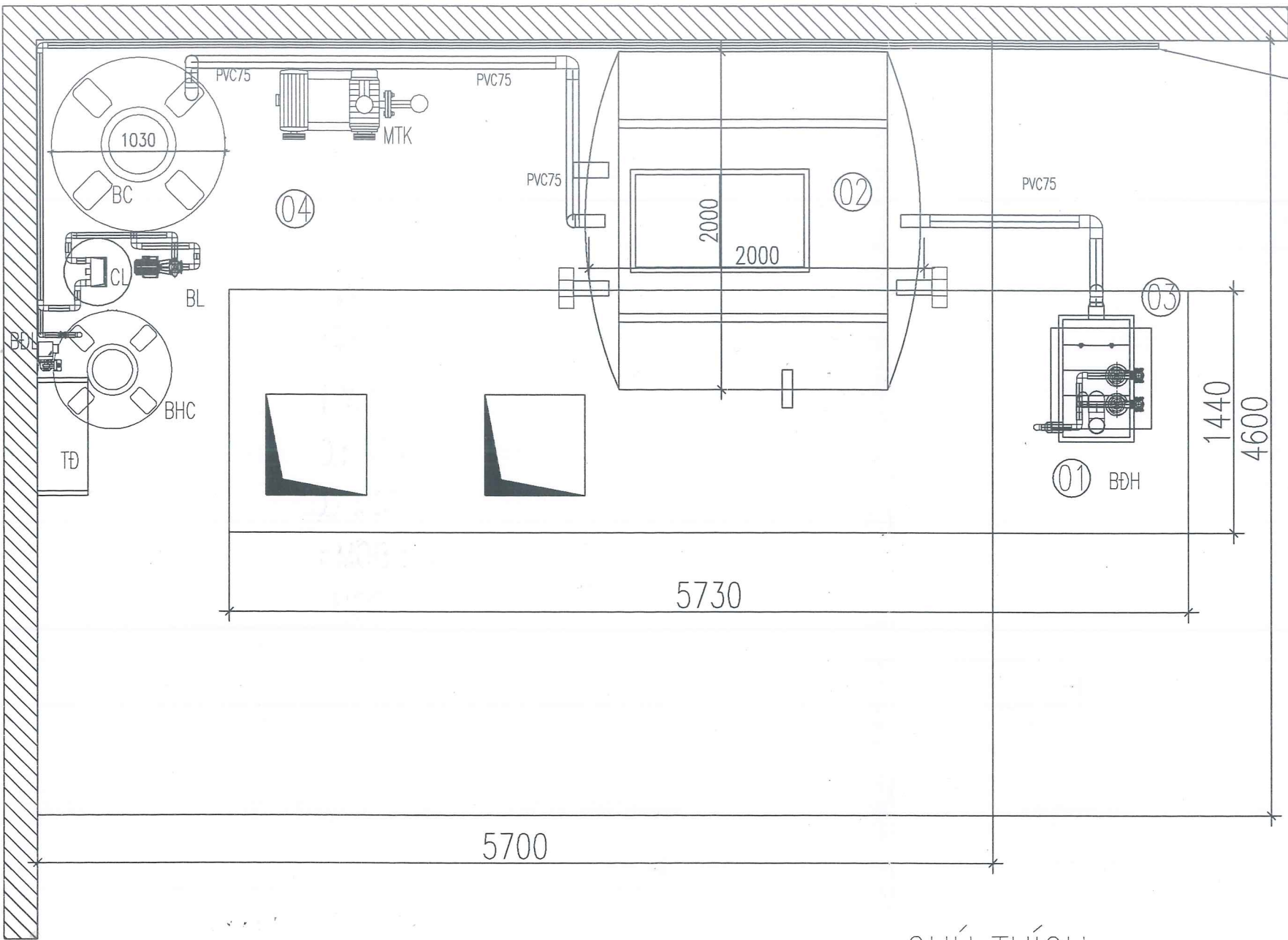
Giám đốc	
CAO QUANG HÀ	
Vẽ	
HÀ THỊ LAN	
Kiểm	
CAO QUANG HÀ	

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG

HỒ SƠ: THIẾT KẾ HOÀN CÔNG		
Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu bản vẽ
1:1	02/2021	TC - HMC...
A3		

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC



KẾT NỐI ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC

CHÚ THÍCH

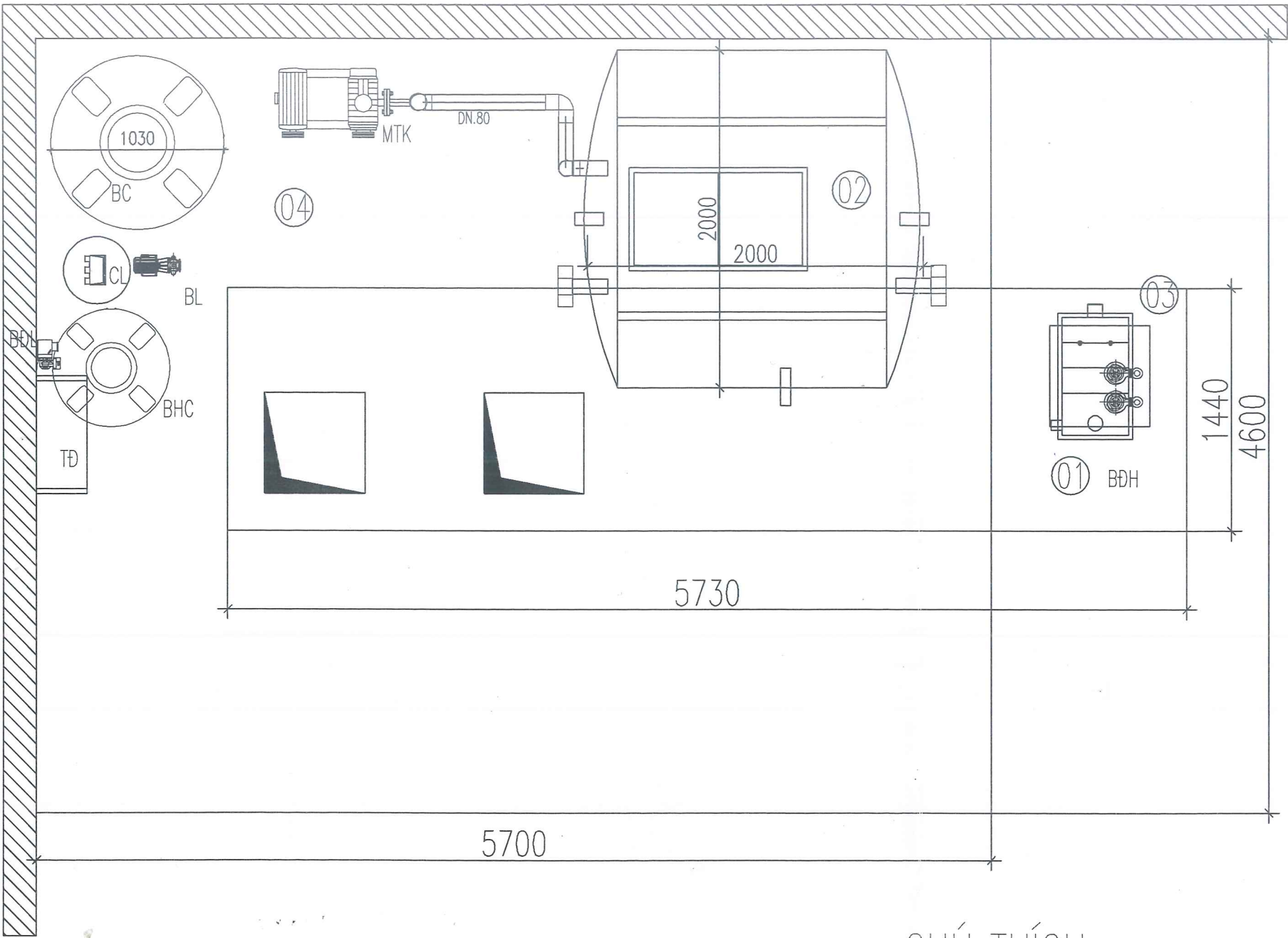
BC: BỒN CHỨA NƯỚC SẠCH
BHC: BỒN HOÁ CHẤT
TĐ: TỦ ĐIỆN
MTK: MÁY THỔI KHÍ
CL: CỘT LỌC ÁP
BL: BƠM LỌC ÁP
BDL: BƠM ĐỊNH LƯỢNG
BDH: BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ

CHÚ THÍCH

01: BỂ ĐIỀU HOÀ NƯỚC + ANOXIC
02: BỂ OXIC + BỂ LẮNG
03: HỘP ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG
04: KHU VỰC ĐẶT THIẾT BỊ

Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
01		
02		
03		
04		
05		
CHỖ ĐẤU TỖ  CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HƯNG YÊN THIẾT		

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ



CHÚ THÍCH

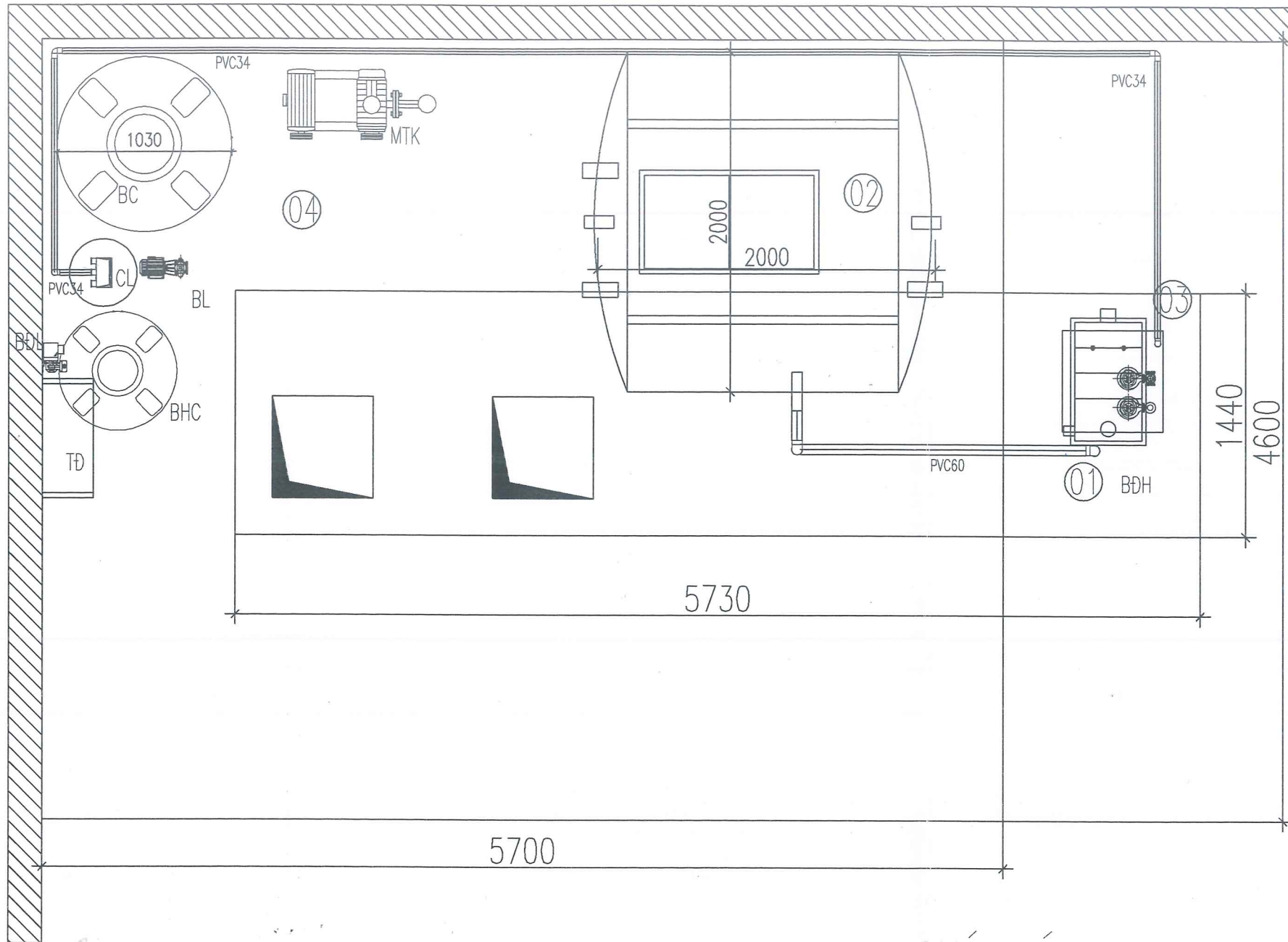
- BC: BỒN CHỨA NƯỚC SẠCH
- BHC: BỒN HOÁ CHẤT
- TĐ: TỦ ĐIỆN
- MTK: MÁY THỔI KHÍ
- CL: CỘT LỌC ÁP
- BL: BƠM LỌC ÁP
- BĐL: BƠM ĐỊNH LƯỢNG
- BĐH: BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ

CHÚ THÍCH

- 01: BỂ ĐIỀU HOÀ NƯỚC + ANOXIC
- 02: BỂ OXIC + BỂ LẮNG
- 03: HỘP ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG
- 04: KHU VỰC ĐẶT THIẾT BỊ

Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
01		
02		
03		
04		
05		
CHỦ ĐẦU TƯ  CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÂN QUỐC TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN		
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT		
ĐỊA ĐIỂM		
KCN PHỐ NỘI A, TRUNG TRẮC, VĂN LÂM, HƯNG YÊN		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ		
CÔNG TY TNHH CNMT VÀ PCCC HAMINCO		
ĐC: 126 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội Tel: 04.221.50479 - 0983552368 Email: haminco369@gmail.com		
Giám đốc		
CAO QUANG HÀ		
Vẽ		
HÀ THỊ LAN		
Kiểm		
CAO QUANG HÀ		
TÊN BẢN VẼ		
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ		
Hồ sơ: Thiết kế hoàn công		
Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu bản vẽ
1:1	02/2021	TC - HMC...
A3		

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG BÙN



CHÚ THÍCH

BC: BỒN CHỨA NƯỚC SẠCH

BHC: BỒN HOÁ CHẤT

TĐ: TỬ ĐIỆN

MTK: MÁY THỞ KHÍ

CL: CỘT LỘC ÁP

BL: BƠM LỌC ÁP

BĐL: BƠM ĐỊNH LƯỢNG

BĐH: BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ

CHÚ THÍCH

01: BỂ ĐIỀU HOÀ NƯỚC + ANOXIC

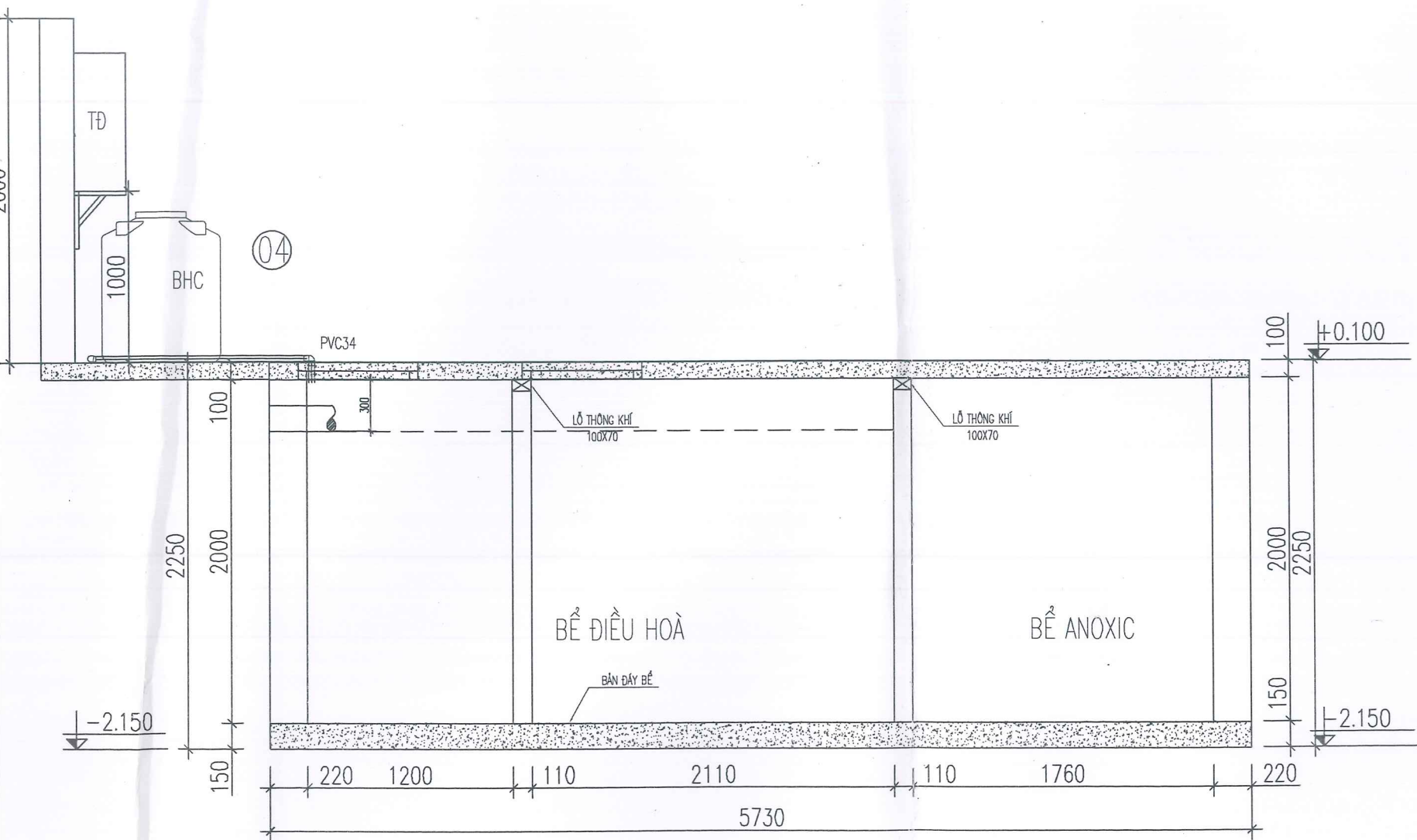
02: BỀ OXIC + BỀ LẮNG

03: HỘP ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG

04: KHU VỰC ĐẶT THIẾT BỊ

Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
01		
02		
03		
04		
05		
CHỦ ĐẦU TƯ  CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ ĐIỆN BIÊN PHỦ BIÊN HẠNH QUỐC TỈNH HƯNG YÊN		
DỰ ÁN		
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT		
ĐỊA ĐIỂM		
KCN PHỐ NỘI A, TRUNG TRẮC, VÂN LÂM, HƯNG YÊN		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ		
CÔNG TY TNHH CNMT & PCCC HAMINCO		
ĐC: 126 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội Tel: 04.221.50479 - 0983552368 Email: haminco369@gmail.com		
Giám đốc		
CAO QUANG HÀ		
Vẽ		
HÀ THỊ LAN		
Kiểm		
CAO QUANG HÀ		
TÊN BẢN VẼ		
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ống DẪN BÙN		
Hồ sơ: Thiết kế hoàn công		
Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu bản vẽ
1:1	02/2021	TC - HMC...
A3		

MẶT CẮT 1 - 1

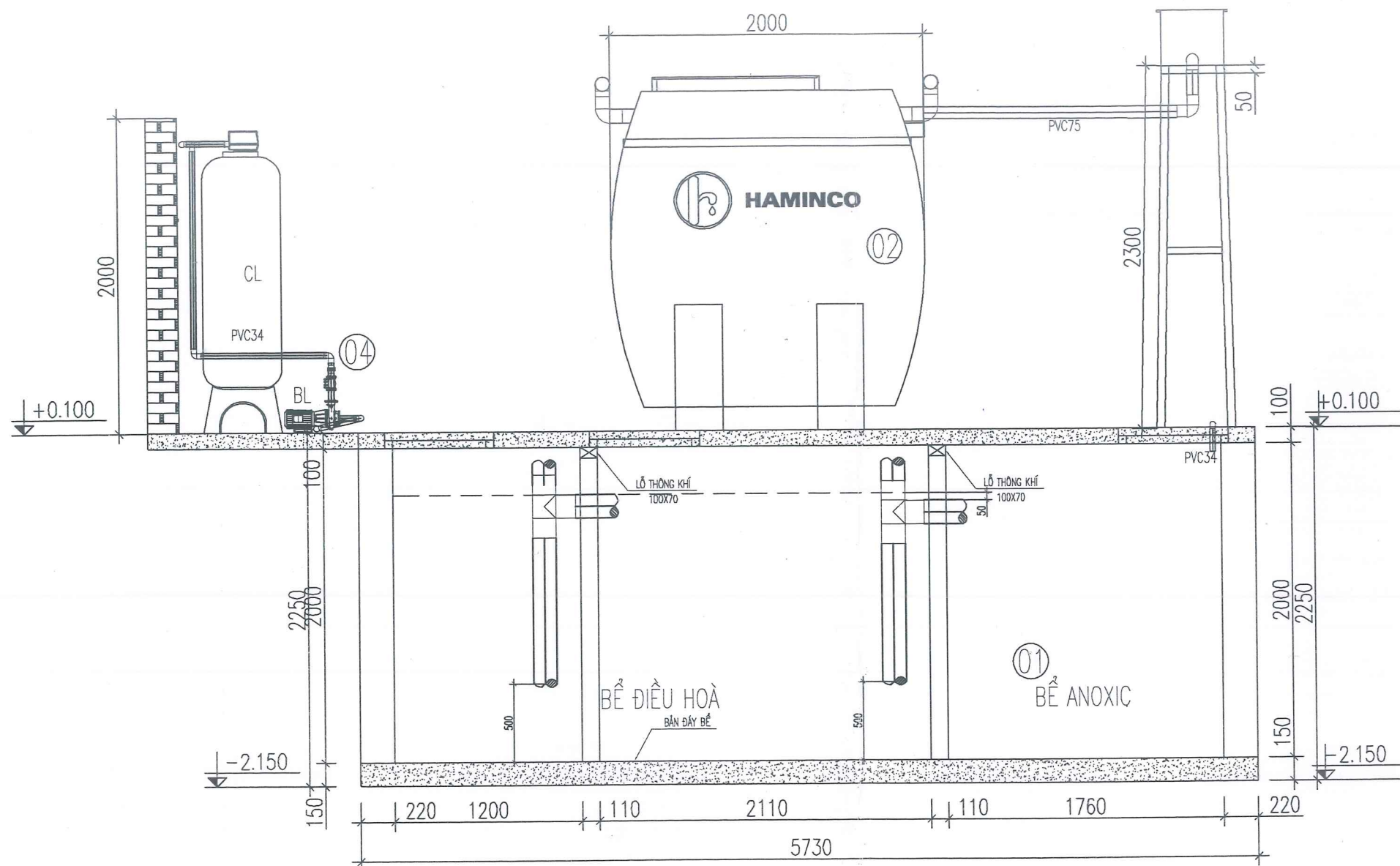


CHÚ THÍCH

- 01: BỂ ĐIỀU HOÀ NƯỚC + ANOXIC BC: BỒN CHỨA NƯỚC SẠCH CL: CỘT LỌC ÁP
02: BỂ OXIC + BỂ LẮNG BHC: BỒN HOÁ CHẤT BL: BƠM LỌC ÁP

Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
01		
02		
03		
04		
05		
CHỮ ĐẤU TÀI CHỨC 		
DỰ ÁN		
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT		
ĐỊA ĐIỂM		
KCN PHỐ NỘI A, TRUNG TRẮC, VĂN LÂM, HƯNG YÊN		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ		
CÔNG TY TNHH CNMT VÀ PCCC HAMINCO		
ĐC: 126 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội Tel: 04.221.50479 - 0983552368 Email: haminco369@gmail.com		
Giám đốc		
CAO QUANG HÀ		
Vẽ		
HÀ THỊ LAN		
Kiểm		
CAO QUANG HÀ		
TÊN BẢN VẼ		

MẶT CẮT 3 - 3



CHÚ THÍCH

- 01: BỂ ĐIỀU HOÀ NƯỚC + ANOXIC
- 02: BỂ OXIC + BỂ LẮNG
- 03: HỘP ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG
- 04: KHU VỰC ĐẶT THIẾT BỊ

BC: BỒN CHỨA NƯỚC SẠCH
BHC: BỒN HOÁ CHẤT
TĐ: TỦ ĐIỆN
MTK: MÁY THỔI KHÍ

CL: CỘT LỘC ÁP
BL: BƠM LỘC ÁP
BDL: BƠM ĐỊNH LƯỢNG
BDH: BƠM BẾ ĐIỀU HOÀ

Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
01		
02		
03		
04		
05		



DỰ ÁN

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

ĐỊA ĐIỂM

KCN PHỔ NỘI A, TRƯNG TRẮC,
VĂN LÂM, HƯNG YÊN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH CNMT VÀ PCCC
HAMINCO

ĐC: 126 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội
Tel: 04.22150479 - 0983552368
Email: haminco369@gmail.com

Giám đốc
CAO QUANG HÀ

Vẽ
HÀ THỊ LAN

Kiểm
CAO QUANG HÀ

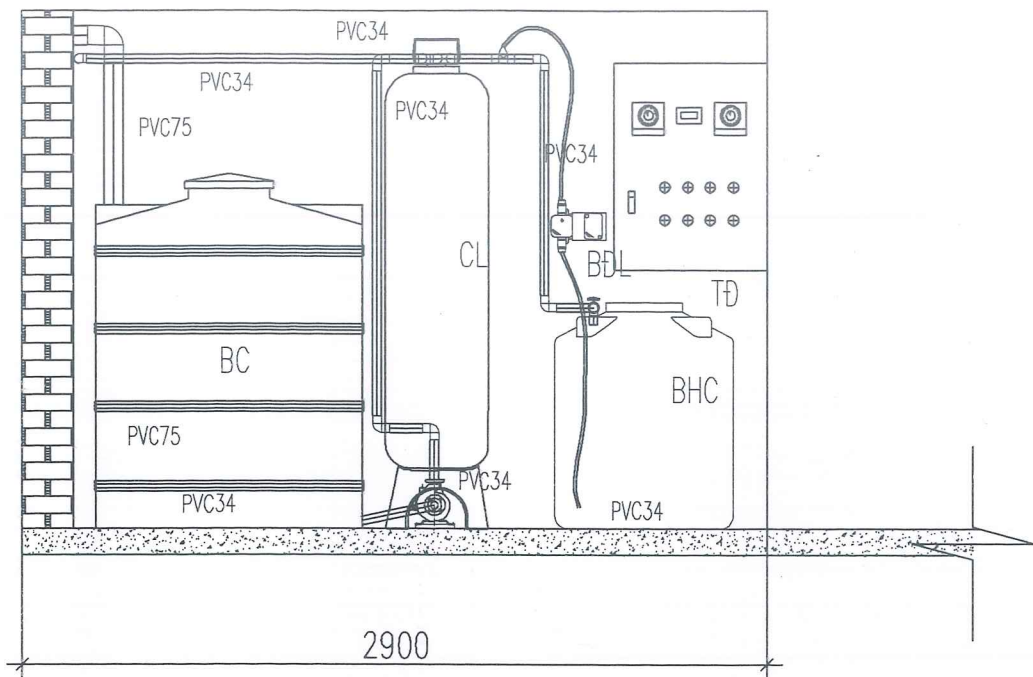
TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT MẶT CẮT

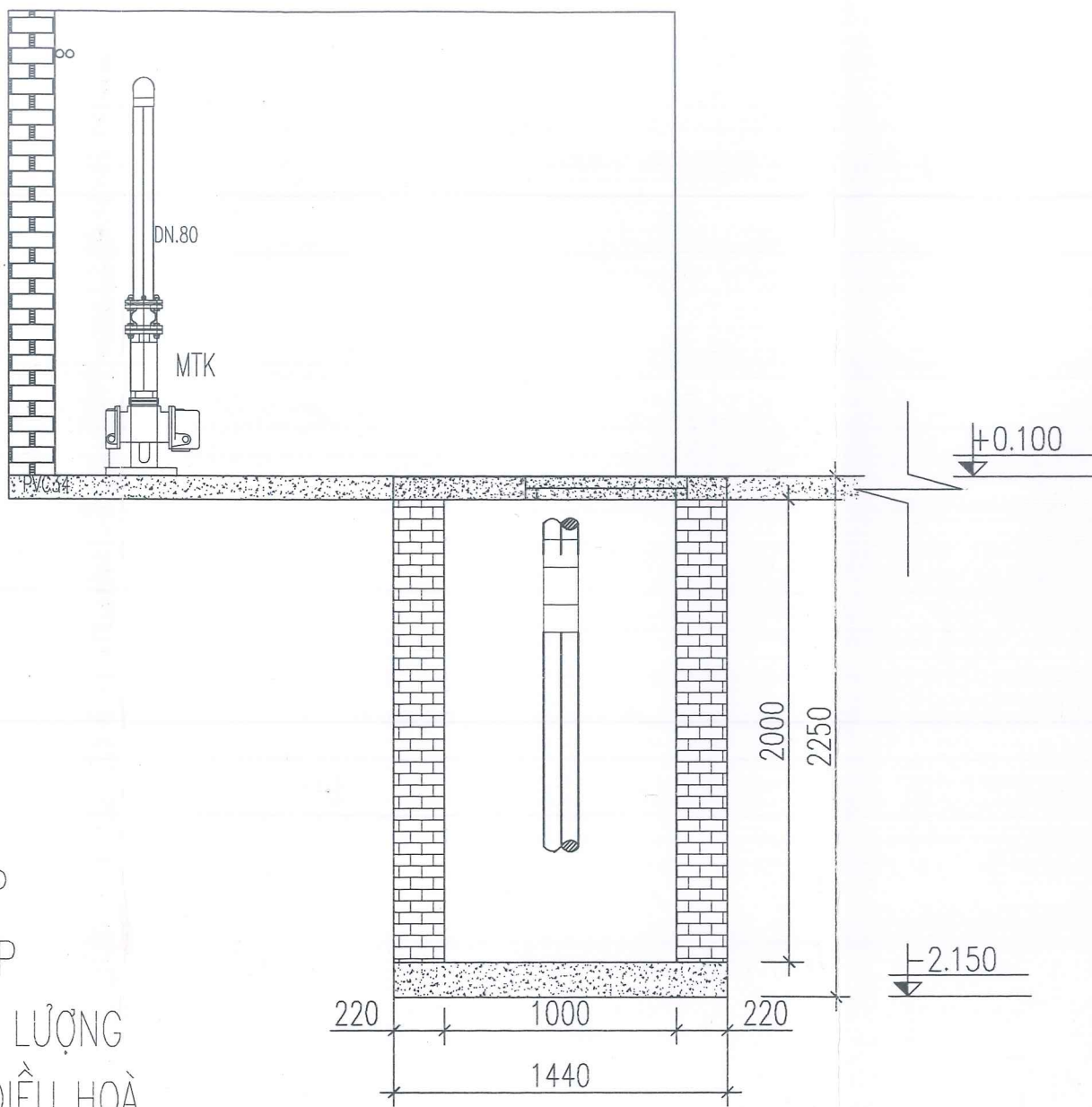
Hồ sơ: Thiết kế hoàn công

Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu bản vẽ
1:1	02/2021	TC - HMC...
A3		

MẶT CẮT A - A



MẶT CẮT B - B

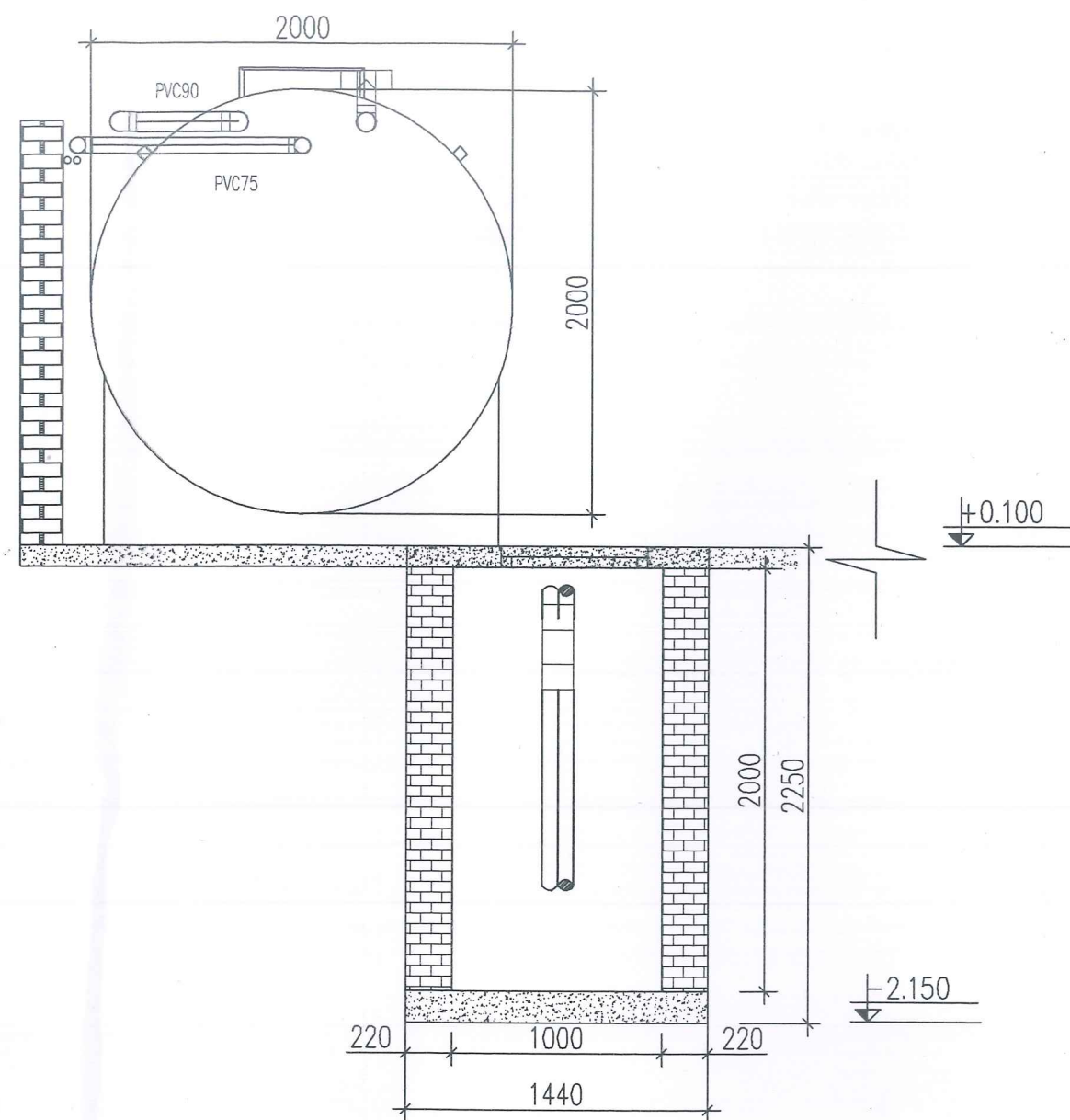


CHÚ THÍCH

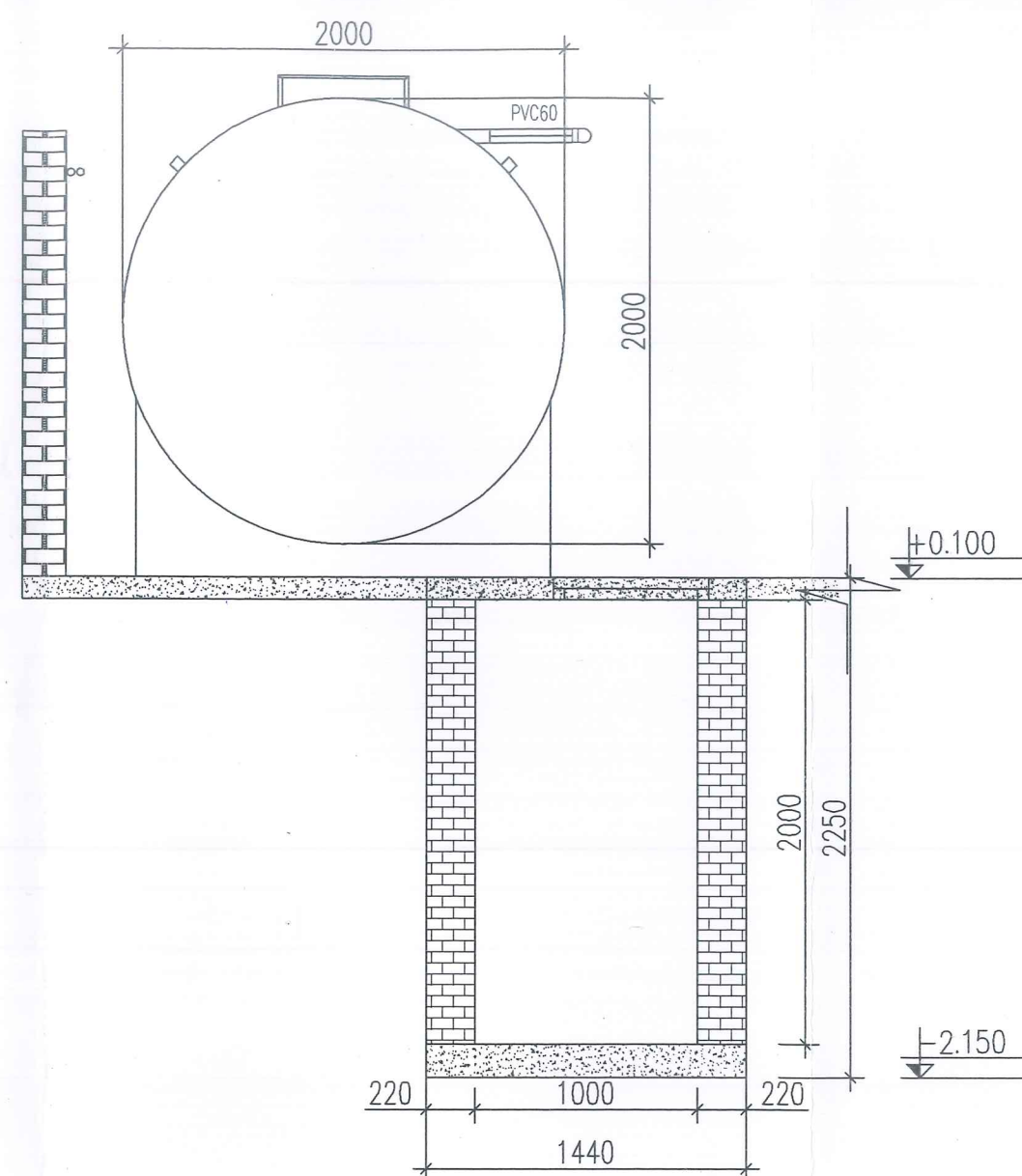
BC: BỒN CHỨA NƯỚC SẠCH
BHC: BỒN HOÁ CHẤT
TĐ: TỦ ĐIỆN
MTK: MÁY THỔI KHÍ
CL: CỘT LỌC ÁP
BDL: BƠM ĐỊNH LƯỢNG
BDH: BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ

Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
01		
02		
03		
04		
05		
CHỮ ĐẤU TỰ M.S. 0101816468 CÔNG TY CƠ PHÂN THIẾT BỊ ĐIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÂN QUỐC TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN		
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT		
ĐỊA ĐIỂM		
KCN PHỐ NỘI A. TRUNG TRẮC, VĂN LÂM, HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ		
CÔNG TY TNHH CNMT VÀ PCCC HAMINCO		
ĐC: 126 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội Tel: 04.221.50479 - 0983552368 Email: haminco369@gmail.com		
Giám đốc		
CAO QUANG HÀ		
Vẽ		
HÀ THỊ LAN		
Kiểm		
CAO QUANG HÀ		
TÊN BẢN VẼ		
CHI TIẾT MẶT CẮT		
Hồ sơ: Thiết kế hoàn công		
Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu bản vẽ
1:1	02/2021	TC - HMC...
A3		

MẶT CẮT C - C



MẶT CẮT D - D



CHÚ THÍCH

BC: BỒN CHỨA NƯỚC SẠCH
BHC: BỒN HOÁ CHẤT
TĐ: TỦ ĐIỆN

MTK: MÁY THỔI KHÍ
CL: CỘT LỌC ÁP
BL: BƠM LỌC ÁP

BĐL: BƠM ĐỊNH LƯỢNG
BĐH: BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ

Sửa đổi

Lần	Ngày	Xác nhận
01		
02		
03		
04		
05		



DỰ ÁN

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI SINH HOẠT

ĐỊA ĐIỂM

KCN PHỒN NÔI A, TRUNG TRẮC,
VĂN LÂM, HƯNG YÊN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH CNMT VÀ PCCC
HAMINCO

ĐC: 126 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội
Tel: 04.22150479 - 0983552368
Email: haminco369@gmail.com

Giám đốc

CAO QUANG HÀ

Vẽ

HÀ THỊ LAN

Kiểm

CAO QUANG HÀ

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT MẶT CẮT

Hồ sơ: Thiết kế hoàn công

Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu bản vẽ
1:1		
A3	02/2021	TC - HMC...

MẶT CẮT BỒN XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
01		
02		
03		
04		
05		



DỰ ÁN

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

ĐỊA ĐIỂM

KCN PHỐ NỘI A, TRUNG TRÁC, VÂN LÂM, HUNG YÊN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH CNMT VÀ PCCC HAMINCO

ĐC: 126 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội
Tel: 04.221.50479 - 0983.552368
Email: haminco369@gmail.com

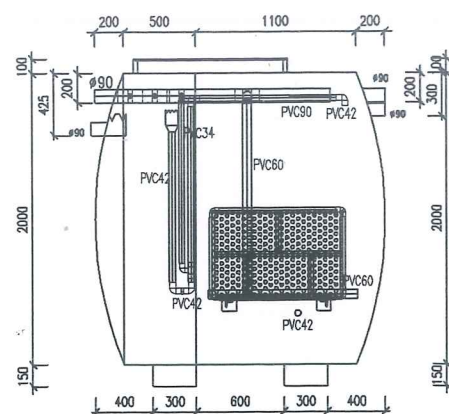
Giám đốc	
CAO QUANG HÀ	
Vẽ	
HÀ THỊ LAN	
Kiểm	
CAO QUANG HÀ	

TÊN BẢN VẼ

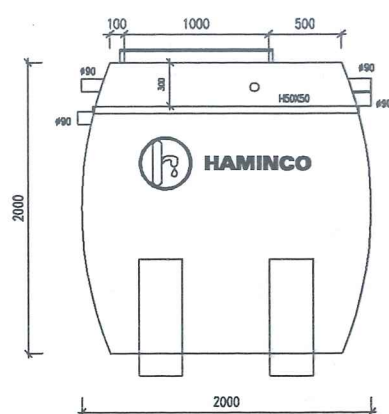
MẶT CẮT BỒN XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Hồ sơ: Thiết kế hoàn công

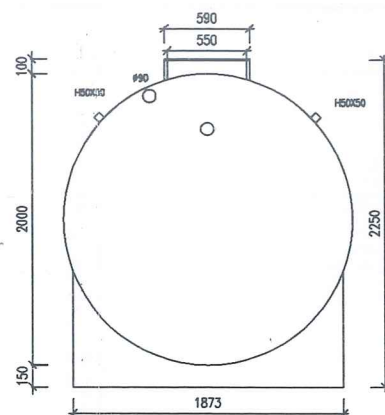
Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu bản vẽ
1:1	02/2021	TC - HMC...
A3		



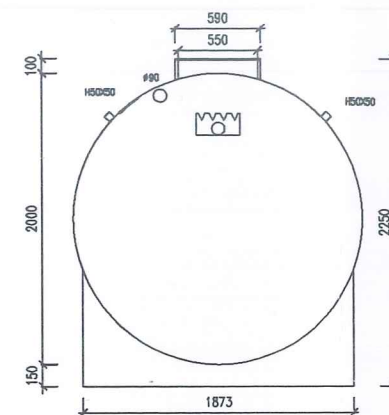
MẶT CẮT 4-4



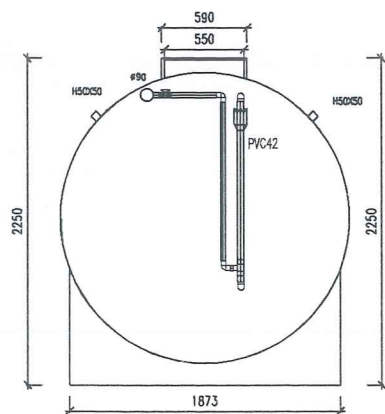
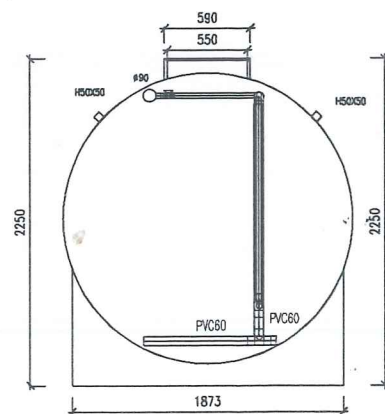
MẶT CẮT 5-5



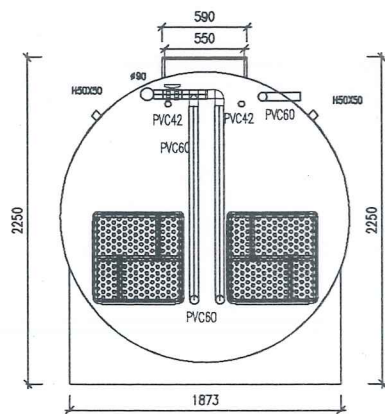
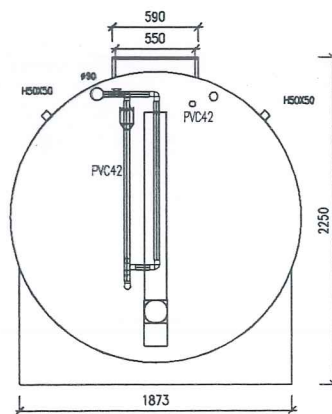
MẶT CẮT A-A



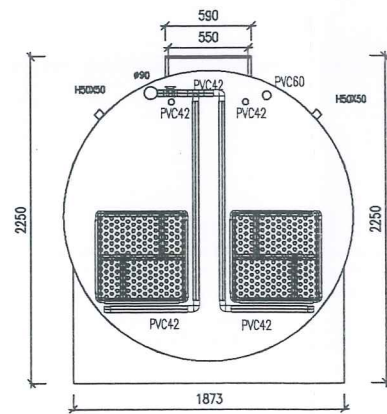
MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT C-C

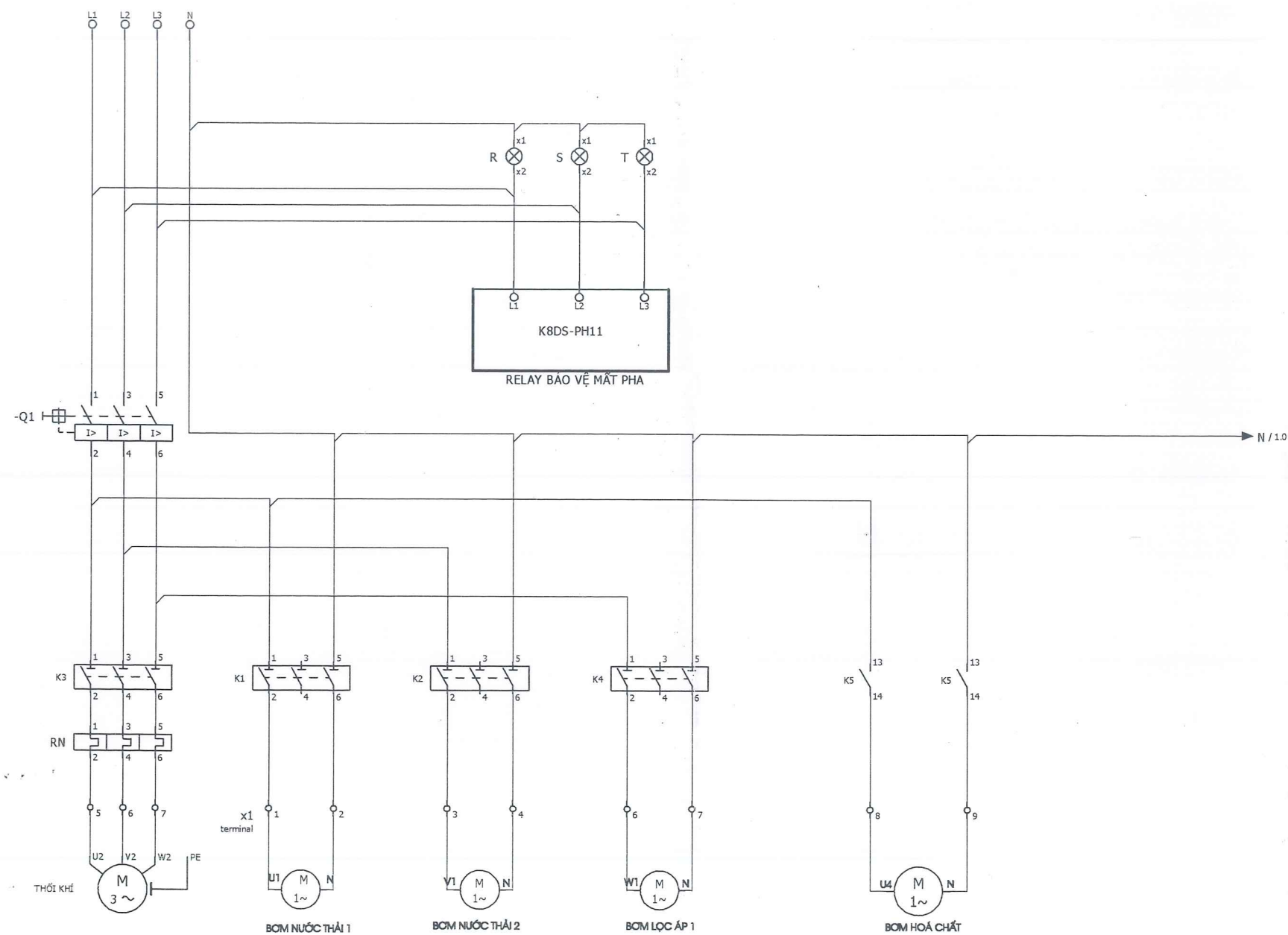


MẶT CẮT D-D

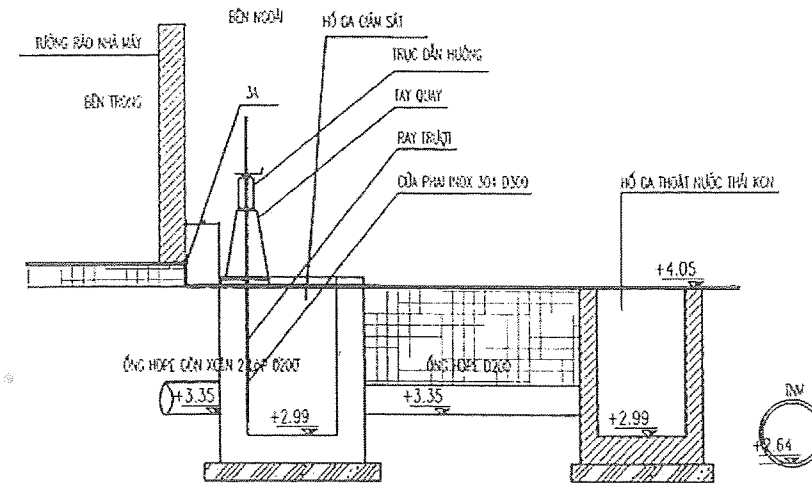
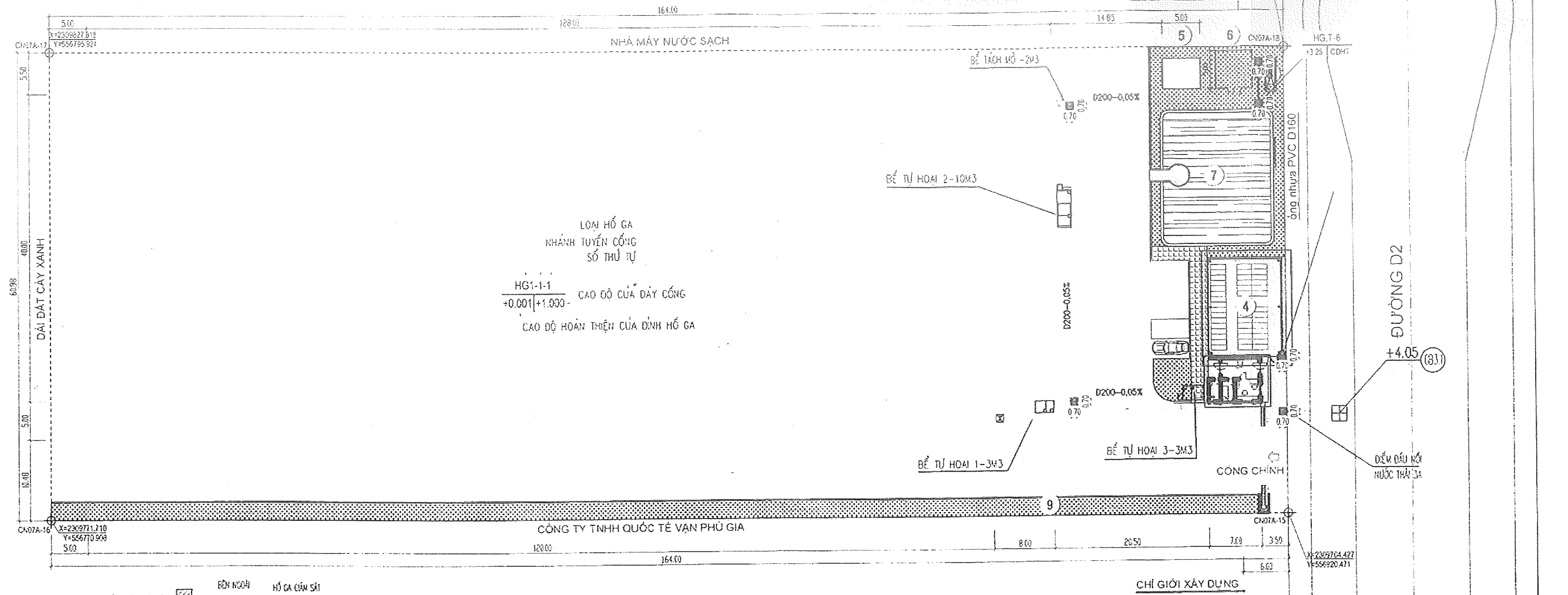


MẶT CẮT E-E

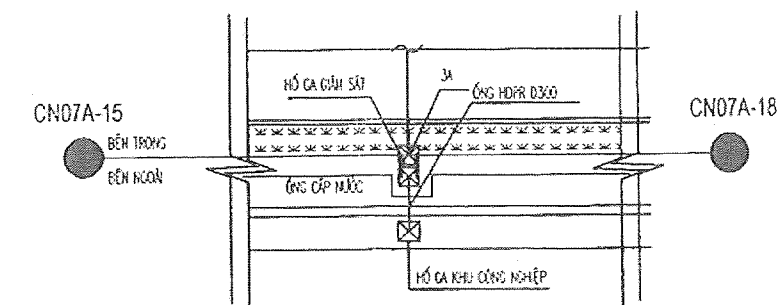
Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
01		
02		
03		
04		
05		
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÂN QUỐC TỈNH BÌNH DƯƠNG		
DỰ ÁN		
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT		
ĐỊA ĐIỂM		
KCN PHỐ NỘI A, TRUNG TRÁC, VĂN LÂM, HƯNG YÊN		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ		
CÔNG TY TNHH CNMT VÀ PCCC HAMINCO		
ĐC: 126 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội Tel: 04.221.50479 - 0983552368 Email: haminco369@gmail.com		
Giám đốc		
CAO QUANG HÀ		
Vẽ		
HÀ THỊ LAN		
Kiểm		
CAO QUANG HÀ		
TÊN BẢN VẼ		
SƠ ĐỒ ĐIỆN HỆ THỐNG		
Hồ sơ: Thiết kế hoàn công		
Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu bản vẽ
1:1	02/2021	TC - HMC...
A3		



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ



MẶT CẮT ĐIỂM ĐẦU NỐI 3A



MẶT CẮT CHI TIẾT ĐIỂM ĐẦU NỐI 3A

SỬA ĐỔI - REVISION				CHỖ ĐẤU TƯ - CLIENT		ĐƠN VỊ THI CÔNG		TÊN DỰ ÁN - PROJECT		TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE		BẢN VẼ SỐ - NO.
LẦN SỐ	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẬP THUẬN APPROVED	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC		CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG & ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI ĐẠI VIỆT		NHÀ MÁY SẢN XUẤT DÂY ĐIỆN VÀ CÁP ĐIỆN		MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI NHÀ MÁY		TNT01-02
												SỐ HỢP ĐỒNG CONTRACT NO.
				GIÁM ĐỐC		DAI VIET JSC		VĂN PHÒNG, XƯỞNG SẢN XUẤT		GIAI ĐOẠN HOÀN CÔNG - COMPLETION: BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
										TỶ LỆ - SCALE 1/...		HOÀN THÀNH - ISSUE DATE: .../2020